

TRITÂN

TẠP CHÍ VĂN HOÁ RA HÀNG TUẦN

Tòa báo, ty trị sự, nhà in 95-97 phố Chanceaulme, Hà-nội

TRONG SỐ NÀY :

- | | |
|--|--------------------------|
| * Văn đề cống người vàng (Hết) | <i>Hoa-Bằng</i> |
| * Đại-Nam dật sự (I) | <i>Nguyễn-Văn-Tổ</i> |
| * Trần-thủ-Độ... (Hết) | <i>Sóng-Bằng</i> |
| * Văn-hóa Đông-dương... (VII) | <i>Ứng-Hòe</i> |
| * Nam đàn bát châu tục thảo (XV) | <i>Tùng-vân đạo-nhân</i> |
| * Diễm ảnh chiều hè | <i>Nguyễn-Đan-Tâm</i> |
| * Tạo-hóa và nhân-loại (I) | <i>Minh-Tuyền</i> |
| * Những lý-do của một chương-trình | <i>Nguyễn Nhân</i> |
| * Tả-quân Lê-văn-Duyệt (IV) | <i>Nguyễn Triệu</i> |
| * Một vài kiến văn trong dịp đi thăm làng Bối Khê (II) | <i>Vu-Ngã</i> |
| * Đêm hội Long-tri (Tiểu thuyết, XXVII) | <i>Nguyễn-huy-Tướng</i> |

Văn-đề cống người vàng (III)**TRU'Ó'C TRIỀU QUANG-TRUNG,**

ông Nguyễn Hảng ở đời Lê Giụ-Tông (1705-1728)

đã xin « đình » (dừng lại) được lệ cống ấy

HOA-BẮNG

**Sau Mạc,
Lê Trùng - hưng lại
phải cống người vàng**

Sau, Lê mất, nhà Mạc (1527-1593) sợ Minh hỏi tội, có đúc người vàng sang cống để làm của lót. Vả, vì muốn « dăm mồm » thật nhiều cho Minh, họ Mạc chắc phải đúc người vàng to hơn và nặng hơn thuở nhà Lê trước.

Năm binh - thân, hiệu Quang-hưng thứ mười chín (1596), vua Lê Thế-Tông (1573-1599) bấy giờ tuy đã khôi-phục Thăng-long (1), nhưng còn bị người Minh vận-vạo bách sách là không phải thực dòng-dối họ Lê, nên ngài phải thân lên Trấn-Nam quan đề cùng người Minh dự việc hội khám. Người Minh trưng-trình không đến họp, yêu-xách người vàng, v. v. (Khâm - định Việt-sử quyển 30, tờ 15).

Rồi vua Lê phải sai lữ Đỗ Uông đem hai pho người vàng, người bạc và cống-phẩm lên Lạng-sơn để châu-chực đưa cống, song lại bị người Minh thoái-thác bằng lời văn-hoa giả-dối (Khâm-định Việt-sử quyển 30 tờ 18 b — 19 b). Thế là, trên trang lịch-sử ngoại-giao với Tàu ở đời Lê Trung-hưng lại thấy việc cống người vàng xuất hiện từ đó.

Qua năm Quang-hưng thứ 20

(1597) lại sai Phùng khắc-Khoan (2), sang sứ Tàu, đề giao-thiệp với người Minh về việc cầu phong. Cũng nhờ ông Phùng đây là người có tài ngoại giao, nên mới nói êm được việc người Minh hạch sách người vàng lớn, nhỏ, nặng, nhẹ.

Đây, tôi xin dịch một đoạn Hán văn trong truyện Phùng-khắc-Khoan ở loại Nhân-vật chỉ sách Lịch-triều hiến chương:

« ...Đình-dậu, năm thứ 20, (ông) vàng mạng đi sứ. Bấy giờ người Minh ăn của lót của măm độc họ Mạc, không chịu dung - nạp ông: Khắc - Khoan châu-chực, có đưa thư lên xoái-ty, hết sức nói họ Mạc là kẻ cướp ngôi, tội trạng đã rành rành. Nay con cháu nhà Lê gõ cửa quan, chờ mạng-lệnh. Nếu Thiên - trào (tiếng ngoại-giao của ta xưa dùng gọi nước Tàu) phò Mạc nên Lê thì là về hòa với kẻ gian, làm hại người ngay, sao tỏ nghĩa lớn với thiên - hạ, giữ danh-giáo cho muôn đời được nữa? Người Minh khen phải, để cho ông vào trong cửa ải. Ông bèn được chảy tới Kinh-dô (nhà Minh).

« Khi đã tới Yên-kinh, Lễ-bộ đường có trách ông về việc

người vàng thể thân không làm đúng y mẫu cũ; họ bèn bắt ông ngừng lại, chứ không để cho vào châu. Khắc-Khoan cãi: Họ Mạc cướp-lấn thì danh là nghịch; nhà Lê khôi-phục thì danh là thuận. Họ Mạc được theo hình thức làm người vàng thể thân đã là hưởng ơn may mắn lắm rồi. Đền như họ Lê đời làm cống thần thì hình-dáng người vàng đã có mẫu sẵn ở đó. Nay nếu vịn lấy họ Mạc làm lệ thì sao nêu-rệt được cái nghĩa lẫn dữ, khuyên lành?

« Lợi trạng của ông được thấu đến tai vua Minh, vua Minh rồi cũng thuận theo cái hình-thức của Tiền Lê (3). »

**Đại thân kim nhân
không phải là người
vàng thay cho bản-
thân quốc vương**

Có nhiều người cho rằng người vàng là thay cho bản-thân quốc-vương nước ta. Song, tôi tưởng không phải.

Ở ngoài Bắc, từ già chí trẻ ai cũng nghe biết câu này: Nợ như nợ Liễu Thăng. Còn ở Nam và Trung-kỳ, câu đó có phổ-thông hay chẳng, tôi không rõ. Một chuyện như chuyện nợ Liễu-Thăng chắc là một cái nậu lớn đối

với ta xưa, nên nó mới in sâu vào óc người mình và dễ truyền khắp dân gian như vậy. Chắc xưa, khi người Minh bắt cống người vàng, họ cũng lấy nê nói rằng các tướng Minh như Liễu-Thăng đã phải chết vì tay người Nam thì nay chúng tôi muốn lấy số vàng này để gọi là đền bù cho gia-quyền những tướng đã tử trận đó. Thế rồi lâu ngày thành quen: hễ ta đem cống người vàng thì nói là đền mạng Liễu-Thăng; còn Tàu thì nói rằng lấy người vàng là bắt nợ về việc Liễu-Thăng. Trải qua nhiều đời cho đến Lê Trung hưng, việc đó thành lệ thường cống. Rồi Sĩ-gia cứ chép là « người vàng thể thân » song không nói rõ là thể thân ai nữa.

Nếu đúc người vàng để thay thế cho bản-thân vua nước Nam, thì sao đời vua Lê Thế-Tông lại có thể đúc người vàng theo mẫu cũ như trong *Lịch triều hiến chương* đã nói đó? và sao người Minh lại ưng-thuận cái hình-thức từ đời Tiền Lê? Nói rằng « mẫu sẵn » thì quyết không phải đúc người vàng thay cho bản-thân quốc vương. Vì triều nào thì theo vua nấy, lẽ đâu không thay cho bản thân vua Thế-Tông bấy giờ mà trở theo mẫu sẵn để thay cho vua Thái Tổ ngày trước? Vậy bốn chữ « đại thân kim nhân » chỉ có nghĩa là người vàng thể mạng. Mạng ai? Mạng Liễu-Thăng! Vì ta phải đúc người vàng để đền mạng Liễu-Thăng, nên câu « nợ Liễu-Thăng » mới lưu hành khắp dân-gian, mà khi tôi còn trẻ, đã được nghe mấy lời ấy thường thốt ra từ miệng ông già bà cả. Có điều ta nên chú ý: Chắc khi vua Lê Thế-Tông đúc người vàng cho

nhà Minh thì cái hình người vàng đó tất bé nhỏ gọi là cổ đủ hình người thoi. Nhưng nhà Minh cũng không dám nói-năng hạc-vách chi hết, vì họ sợ thanh thần kiêu của ngài hãy còn bén lắm. Tới phiên nhà Mạc, phần vì hèn yếu, phần vì tình gian, cần phải bộ-đỡ người Minh cho êm chuyện, nên mới đúc cho to-lớn để người Minh được hưởng nhiều vàng. Về sau, Lê trung-hưng, lại làm người vàng bé nhỏ như hồi Lê sơ; nếu không có ông Phùng là tay học rộng, tài cao, đáng được người Minh vì nê thì việc cống người vàng này còn được là khổ với người Minh.

Đền đời Lê Giụ-Tông, ông Nguyễn Hăng xin « đình » được lệ cống người vàng

Năm mậu-tuất, niên-hiệu Vĩnh-thịnh thứ mười bốn (1718) đời vua Lê Giụ-tông (1705 - 1728), Binh-bộ hữu thị-lang Nguyễn-công Hăng đóng vai chính sứ, sang Thanh cầu phong cho vua Giụ-Tông (Khâm định Việt-sử quyển 35, tờ 21 b — 22 b).

Về việc này, trong truyện *Nguyễn công Hăng ở Tang thương ngẫu lục*, quyển trên, tờ 10 b — 11 b có chép rõ-ràng, tôi xin trích dịch ra đây để kỷ-niệm một nhà ngoại-giao ta đã góp công trong việc phản-kháng lệ cống người vàng và để chứng thực thêm rằng việc cống ấy là bắt đầu từ đời vua Lê-Tổ và người vàng ấy là thể mạng Liễu-Thăng.

« ... Trước kia, Thái-Tổ hoàng-đế đánh người Minh ở núi Mã-

yên (thuộc Ôn-châu), chém được tướng Minh là An-viên-hầu Liễu-Thăng. Kịp khi nộp cống-khố, người Minh trách-móc bắt đền, phải đúc người vàng để thay thế nó.

« Họ Mạc cướp ngôi, Minh sai Cửu-Loan, Mao-Bá-Ôn sang đánh. Mạc sợ, lấy người vàng dứt lốt xin hòa.

« Hồi mới Trung-hưng, nhà Minh vặn hỏi về việc tự tiện giết chết cống-thần của Minh là Mạc-Mậu-Hợp, lại phải dùng người vàng đền tạ.

« Nhân thế, các triều mới thành ra lệ thường cống. Ông (Nguyễn Hăng) xin bỏ đi. Bộ-viện (nhà Minh) lại đem việc cũ ấy ra hỏi. Ông nói: « Quốc-vương nay giữ cơ nghiệp của tổ-tiên, về việc cống-hiến, không thiếu thốn gì; còn chuyện thân thành nạp khoản là việc cũ thì kẻ sứ-thần này không dám biết tới.

« Họ lại vặn hỏi về việc Liễu-Thăng. Ông nói: « Liễu-Thăng là tướng nhà Minh kia. Còn nhà Thanh ta rộng có muôn nước, thế mà lại bo-bo đòi của lốt đền báo thù cho người xưa thì lấy gì khuyên được người ta đến với mình?... » Thế rồi bắt đầu từ ông, lệ cống người vàng và lệ cống nước rửa ngọc trai (4) mới « dừng lại » (nguyên văn là *đình*) được.

Kết luận

Theo nội chứng và bàng chứng trong các sử sách mà tôi vin ra trong ba kỳ báo (T. T. số 101, 103, 104) đây, thì việc cống người vàng là bắt đầu từ đời vua Lê-Thái-Tổ, qua Mạc đến Lê-Trung-hưng. Tự trung ở đời Lê-Tiễn (Xem tiếp trang 21)

ĐẠI-NAM DẤT-SỰ

Số 1

Ứng-hòe NGUYỄN-VAN-TỐ

NHIỀU người muốn tổ chức một vài cuộc đi chơi để xem những danh-lam thắng cảnh, hoặc tìm tài-liệu để soạn kịch hay viết tiểu-thuyết lịch-sử, thường hỏi tôi về sự-tích đền no chùa kia và các truyện danh-nhân nước ta.

Tôi xem những truyện ấy đều có ý-nghĩa, nên tôi lấy sách chữ nho, dịch ra đây, phần nhiều chưa ai chép ra quốc-ngữ.

Chép truyện cốt cho dễ hiểu, nên tôi không so-sánh sử ta sử Tàu, không tra xét tên người tên đất, chỉ chép cho thành truyện, để hiển độc-giả một ít tài-liệu mà xưa nay chưa ai chép đủ; tuy có đoạn rườm-rà nhạt-nhẽ nhưng tôi cũng dịch cả, để cho rõ thêm nguyên-ủy từng việc.

I. — Cù hậu và Lữ Gia

Truyện dưới này có thể gọi là truyện một người yêu nước thứ nhất của nước Nam vào khoảng hai nghìn năm về trước. Cứ theo tục-truyền thì vị ái-quốc thứ nhất là đức Đồng-thiên-vương, nhưng truyện đức Đồng thiên-vương là truyện thần-tiên. Truyện ông Lữ-Gia mới thật là truyện lịch-sử.

Có người nói: « Người nước Nam không biết nghĩa ái-quốc ». Ông A. Launay làm một quyển sử Nam (*Histoire ancienne et moderne de l'Annam*, trang 106) cũng viết một đoạn rằng: « Gọi là nước thì phải liên-lạc các tỉnh

với nhau thành đoàn-thề, kết-hợp bằng những mối hồi-tưởng vẻ-vang hay buồn-rầu. Đối với người An-nam thì không thế: chỉ là luật-lệ, chế-độ và phong-tục mà thôi. Có lẽ người Annam ghét người ngoại-quốc hơn là yêu nước, không phải ghét vì có người ngoại-quốc dày-xéo đất nước, hay là truyền-bảo theo lệnh chủ khác: chính là ghét vì có người ngoại-quốc bắt theo luật mới, đòi tục cũ, không cho tập-quán vào đâu cả ». Nhà làm sử ấy lại thêm một câu rằng: « Nhưng dù vì yêu nước, hay vì ghét người áp-chế, bao giờ dân Annam cũng giữ vững và giơ cao lá cờ độc-lập ».

Truyện ông Lữ Gia kể dưới này, chính là làm cái nều cho cờ độc-lập ».

Tháng tám năm binh-ngọ (tức là năm 135 trước Thiên-chúa), vua nước Mân-Việt (ở tỉnh Phúc-kiến bây giờ), tên là Dĩnh, đến xâm-lấn các ấp ngoài biên của nước Nam Việt. Vua Nam Việt, tên là Hồ (con Trọng-Thủy, cháu Triệu-Đà hiệu Triệu Văn-vương), giữ điều ước với nhà Hán, không thiện-tiền dấy quân, sai người đem thư nói việc ấy với vua nhà Hán. Vua nhà Hán khen vua Triệu Văn-vương là người biết giữ chức-phận, hứa sẽ dấy quân. Rồi sai Vương-Khôi ra Dự-chương, Hàn An-Quốc ra Cối-kê để đánh nước Mân-Việt. Hoài Nam-vương tên là An dâng thư can vua Hán, nhưng vua Hán không nghe.

Quân nhà Hán chưa qua khỏi núi, thì vua Mân-Việt là Dĩnh đã đem quân chống với nhà Hán, nhưng em vua Mân-Việt là Dự-Thiện, cùng với họ hàng giết vua Dĩnh để xin hàng. Thấy thế Vương-Khôi rút quân rồi sai sứ về tàu vua Hán.

Vua Hán sai Trang-Trợ đi báo cho vua Nam Việt. Vua Nam-Việt kính cần nói rằng: « Đứng Thiên-tử vì quả-nhân dấy quân, giết vua Mân-Việt, dẫu đến chết cũng không lấy gì báo ơn. » Rồi sai thái-tử là Anh-Tề sang nhà Hán làm con tin. Nhân bảo Trang-Trợ rằng: « Nước mới bị giặc cướp, xin sứ-giả đi trước: quả-nhân sẽ ngày đem chinh-biện hành trang sang chào Thiên-tử. » Khi Trang-Trợ về rồi các đại-thần đều can rằng: « Quân nhà Hán giết Dĩnh, là muốn kinh-dộng nước Việt ta. Vả tiên-đế (tức Triệu-Đà) có nói: « Thờ nhà Hán chớ thất lễ, không thể đem lời nói khéo mà sang chào được đâu ». Nếu sang chào thì không về được, tức là mất nước đấy! » (Nhập kiến tác bát đặc phục qui, vong quốc chi thi giả). Vì thế Triệu Văn-vương không đi là có bệnh, không sang chào nữa (chép theo *Đại-Việt sử-ký* tiền-biên, quyển 2, tờ 11 b-12 a và *Khâm-định Việt-sử* quyển 1, tờ 28).

Năm ất-mão (126 trước Thiên-Chúa) là năm thứ 11 Triệu Văn-vương. Văn-vương bệnh nặng, thái-tử là Anh-Tề từ nhà Hán về.

Năm binh-thìn (125) Triệu Văn-vương mất. Anh-Tề nối ngôi, tức là Minh-vương, cho Lữ Gia là thái-phó (năm 124). Lữ Gia làm hoàng-hậu và phong con thứ tên là Hưng, làm thái-tử (năm 123).

Nguyên lúc Anh-Tề còn làm thế-tử, sang làm con tin bên nhà Hán, trọ ở Tráng-an, lấy một người con gái ở Hàm-dan là họ Cù, sinh được người con gái đặt tên là Hưng-Kiếp khi lên ngôi, giấu ẩn (ngọc-tử) của tiên-vương, dâng thư sang nhà Hán, xin lập họ Cù làm hoàng-hậu, Hưng làm thế-tử (chép theo *Đại-Việt sử-ký tiền-biên*, quyển 2 tờ 13 a).

Nhà Hán thường sai sứ sang dụ Anh-Tề, (Minh-vương) vào châu, Minh-vương sợ sang châu, phải theo phép nhà Hán thì thành nước chư-hầu, bèn cố ý cáo bệnh không sang, mới sai con là Thứ công sang làm con tin (chép theo *Khâm-định Việt-sử thông-giám cương-mục*, tiền biên, quyển 1, tờ 29 a-b).

Năm mậu-thìn (113 trước Thiên-Chúa) là năm thứ 12 đời Triệu Minh-vương. Minh-vương mất, con thứ là Hưng nối ngôi, tức là Ai-vương.

Ai-vương tôn mẹ là Cù-hậu làm thái-hậu. Trước kia Cù-hậu chưa lấy Anh-Tề thường tr- thông với người ở Bá-lăng họ An Quốc, tên Thiệu-Quý. Năm mậu-thìn (113) sứ nhà Hán là Thiệu-Quý sang dụ Triệu Ai-vương và Cù-hậu vào châu, lại sai bộ tướng Qian, là bộ tướng làm chức gián-nghe đại-pu, sang tuyên-cáo lời dụ ấy, bọn Ngụy-thần là đảng-sĩ phụ-tá đề quyết-định vế-ủy là Lỗ-bì-Đức đem binh đóng đồn ở Quế-Trong đề đợi hiệu-ệnh của sứ-giã.

Lúc bấy giờ Triệu Ai-vương tuổi còn nhỏ, Cù-hậu là người Tàu, lại tr- thông với Thiệu-Quý: người trong nước biết cả, phần nhiều tức giận.

Cù-hậu sợ loạn, muốn dựa oai nhà Hán, thỉnh khuyển Ai-vương và quần thần xin nội-pu nhà Hán, Nhân-sứ nhà Hán sang Cù-hậu và vua Ai-vương dâng thư xin hiệu vào hàng-chư-hầu, ba năm một lần sang chầu trừ khi có việc quan-hệ ngoài biên thì không kè. Vua nhà Hán y cho, ban cho Ai-vương và thừa-tướng là Lữ-Gia ấn bạc, và ấn các quan nội-sứ, trung-ủy thái-pu; còn các ấn các quan khác được tự đặt lấy. Trừ tội kinh (chạm vào mặt, rồi lấy mực bôi), tội tị (cắt mũi hoặc cắt chân) là tội cũ của nước Nam dùng phép nhà Hán cũng như các nước chư-hầu. Sứ-giã nhà Hán ở lại trấn đề trông nom (lưu trữ phủ chi, chép theo *Khâm-định Việt-sử*, quyển 1, tờ 30 a b, và *Đại-việt Sử-ký toàn thư* quyển 2 tờ 13 a-b).

Tháng 11 năm kỷ-tị (112 trước Thiên-Chúa) là năm thứ nhất đời Triệu Ai-vương. Triệu-vương và thái-hậu sắm sửa hành-trang và đem nhiều đồ quý báu làm lễ vào châu vua nhà Hán.

Lúc bấy giờ lễ-tướng là Lữ-Gia tuổi đã già, làm tướng ba triều vua, họ hàng làm quan và làm trưởng lại đến hơn 70 người, con gái đều lấy công chúa, con gái đều gả cho con em họ hàng nhà vua, lại thông gia với Ai-vương ở Thương-ngô, trong nước rất trọng, người trong nước rất tin phần nhiều làm nể mặt cho ông được lòng dân hơn vua (chép theo *Đại-việt sử-ký tiền biên*, quyển 2, tờ 14 a) thỉnh can vua chớ nội-thuộc nhà Hán, nhưng vua không nghe. Vì thế ông sinh lòng phản, thỉnh cáo bệnh, không ra mặt sứ-giã nhà Hán. Sứ-giã đều chú-ý đến Lữ-Gia, nhưng không thể giết nổi.

Ai-vương và Cù-hậu sợ bọn Lữ-Gia khởi sự trước, mới đặt tiệc rượu, mời sứ-giã nhà Hán quyền mưu giết bọn Lữ-Gia. Khi sứ-giã uống rượu, các đại-thần đều ngồi hầu: sứ-giã ngoảnh mặt phía đông, Cù-hậu ngoảnh mặt phía Nam, Ai-vương ngoảnh mặt phía bắc, lễ-tướng là Lữ-Gia và đại-thần đều ngoảnh mặt phía tây. Em Lữ-Gia làm đầu tướng võ đem quân đóng ngoài cung.

Đang khi uống rượu Cù-hậu hỏi Lữ-Gia rằng: « Nước Nam-Việt nội thuộc Tàu là lợi cho nước: tướng-quân không thuận là có sao? » Hỏi thế để kinh lòng giận của sứ-giã nhà Hán. Sứ-giã do-dự, chưa dám khởi sự. Lữ-Gia thấy khác ý, liền đứng dậy đi ra: Cù-hậu giận toan lấy giáo đâm Lữ-Gia nhưng Ai-vương ngăn được.

Lữ-Gia đi về, chia quân của em đem về nhà, rồi cáo bệnh, không chịu ra mặt vua và sứ-giã, ngầm mưu với các đại-thần đề khởi sự. Ai-vương với không có ý giết Lữ-Gia: Lữ-Gia biết, cho nên đề đến vài tháng không khởi sự. Một mình Cù-hậu muốn giết Lữ-Gia, nhưng sức không làm nổi.

Vua Tàu nghe tiếng Lữ-Gia không theo mệnh-lệnh, Ai-vương và Cù-hậu thì bên yếu không làm gì nổi, sứ-giã thì nhất không quyết-định (chép theo *Đại-Việt sử-ký toàn thư* và tiền biên, quyển 2 tờ 14 15), lại cho mẹ con Triệu-vương đã bằng lòng nội-thuộc/ chỉ có một mình Lữ-Gia không chịu, như thế thì không đủ cơ để quân đến đánh, muốn Trang-Sâm đem 2.000 quân đi đánh Trang-Sâm tâu rằng: « Đ

(Xem tiếp trang 12)

Sử-học luận-đàn

TRẦN-THỦ-ĐỘ,

một vị thủ-tướng độc-tài

(Tiếp theo)

của SÔNG-BẮNG

Công-cuộc cải-cách ấy tiến-hành về đủ các phương-diện : kinh-tế, chánh-trị, xã hội, văn-học ; và, về phương diện nào cũng có kết-quả mỹ-mãn. Việc trước nhất của Độ là đề-xướng lên thuyết : « Con gái họ Trần phải gả cho người họ Trần » Chính Trần Thủ-Độ thực hành ý định ấy trước tiên bằng sự kết-duyên với Trần Thái-hậu (vợ Lý Huệ-Tông, chị họ Trần Thủ-Độ) bấy giờ đã bị giáng xuống làm Thiên-Cực công-chúa. Đó là một việc loạn-luân cỡ lai chưa từng có. Nhưng, đối với Trần Thủ-Độ là người chỉ biết hết lòng hy-sinh cho nước và đặt quyền lợi quốc gia trên quyền lợi cá-nhân, đối với một người chỉ muốn nhà Trần gây dựng bằng một căn-bản bền vững thì, vượt qua thói thường của quần-chúng, Trần Thủ-Độ hẳn là có một quan niệm nhân-sinh rất khác đời...

Trừ khử được tôn-thất nhà Lý và không băn-khoăn về việc « bên trong », Trần Thủ-Độ yên tâm sửa-sang lại việc nước. Đánh rằng đã áp đảo đình-thần bằng thế-lực và binh-quyền, nhưng đây chưa phải là một cách thu phục nhân-tâm, nên Trần Thủ-Độ lợi dụng ngay ng tin-ngưỡng của các quan, bắt phải thề trung thành với quân-vương. (1)

Năm thứ ba, niên hiệu Kiến-

trung (1227) đời Trần-Thái-Tông (1225-1258), Trần Thủ-Độ định rõ nghi lễ về việc tuyên-thệ. Hằng năm cứ đến mùng 4 tháng tư, quan tể-tướng và trăm quan ngay từ lúc gà gáy buổi sáng sớm đã đến tụ họp ở ngoài cửa thành để mờ mờ sáng tiến triều. Vua ngự tại cửa hành-lang bên hữu điện Đại-minh. Trăm quan mặc triều phục lạy hai lạy rồi lui. Kế đó đủ các đồ khí-giới, nghi-trượng, người và ngựa đều từ cửa tây ra ngoài thành đến đền thờ thần núi Đồng-cồ (làng Yên-thái, Hà-nội) họp thề, uống máu. Quan trung-thư kiểm chính tuyên đọc lời thề : « Làm tôi hết lòng trung, ở chức quan phải thanh-bạch, nếu phụ lời thề này thần minh giết đó ». (Vi thần tặn trung, cư quan thanh-bạch, hữu du thử minh, thần minh cực chi). Đọc xong, quan tể-tướng đóng cửa đền lại, điềm xem ai vắng mặt sẽ phạt năm quan tiền.

Nhưng, muốn hiểu rõ quần-chúng và cách sinh-hoạt của họ nhà vua cần phải giao tiếp với họ luôn nếu cần đến lại còn phải sống 1 đời hoàn-toàn như đời họ đã sống. Bởi vậy, Trần Thủ-Độ có ý kiến làm cho mỗi làng Việt-nam — có tể-chức hẳn hoi — trở thành một nước nhỏ trong một nước lớn dưới quyền cai-trị của nhà vua.

Năm nhâm dần (1042), Trần Thủ-Độ chia nước Nam làm 12 lộ (lĩnh). Mỗi lộ có nhiều xã. Nhà Trần bổ các quan từ ngũ phẩm trở lên xung chức Đại-tư-xã, từ ngũ phẩm trở xuống xung chức Tiền-tư-xã để trực tiếp với dân các xã mà khai-đạo cho họ. Các quan đại-tư-xã, tiền-tư-xã (có thể ví như tri-phủ, tri-huyện bây giờ) đều thuộc dưới quyền quan chánh, phó an-phủ sứ. Mỗi xã có xã quan cai trị gọi là xã chánh hay xã giám (tức cũng như lý trưởng, phó lý hiện thời). Ở mỗi làng có quan của nhà vua bổ về cai trị nên đều có công-đường làm việc. Vì thế, làng nào cũng thề theo công-quán bên Tàu lập ra một nóc đình. Gia dĩ vua nhà Trần lại hay ngự du xem xét tình-hình dân thôn nên đình không những vừa là nơi vua lưu-trú, vừa là nơi họp bàn việc quan, việc làng. Đình lập bên các quan lộ : chia làm đoản-đình (5 dậm một đình) và tràng đình (10 dậm một đình). Đoản đình và tràng đình thường làm theo một kiểu giống nhau, hình vuông, nóc có 4 mái uốn quanh góc, kiến-thiết chắc chắn, tường gạch, mái ngói có 1 người dân sở-tại do dân-gian cử ra trông-nom và nhậm chức đình-trưởng. Những khi vua, quan hay quý khách lưu trú tại « đình » thì viên đình-trưởng phải tổ-chức cuộc canh-phòng để ngăn-ngừa trộm cướp, phải sắm thức ăn, thức uống, dầu đèn và phải phục dịch cho cực kỳ chu-đáo. Để đền-bù vào công khó nhọc, đình-trưởng được hưởng những quyền-lợi riêng như có quyền sai phái, trông-trị dân đình trong vòng 10 dậm được quyền cấy ruộng công hay được lương bổng và vinh-Ấm.

Muốn cho dân-gian yên tâm cấy sâu, cuốc bẫm, Trần-Thủ-Độ sai đắp đê để ngăn ngừa nạn lụt. Ông-cuộc này ngay từ đời Lý Nhân-Tông (1072-1127) đã thực hành và đê đầu tiên của nước Việt-nam là đê Cơ-xá (Hà-nội bây giờ), Nhưng đến đời Trần, vào năm mậu-thân (1244) Trần-Thủ-Độ đắp đê ở hai bên bờ sông Nhị-hà gọi là Đỉnh nhĩ đê và đặt ra chức « Hà đê quan » chuyên trông coi việc đê-diều.

Về thuế má, dân gian ai có 2 mẫu ruộng thì mỗi năm phải đóng 1 quan tiền, có ba, bốn mẫu thì đóng 2 quan, có 5 mẫu trở lên thì đóng 3 quan.

Tuy bận-rộn luôn luôn, nhưng không vì thế mà Trần-Thủ-Độ nhãng hẳn việc mở-mang văn học. Năm nhâm-thìn (1232), Trần-Thủ-Độ mở khoa thi Thái-học-sinh (tiến-sĩ) chia thứ bậc làm 3 giáp để định cao thấp. Năm đinh-vị (1247) lại đặt ra tam khôi : trạng-nguyên, bảng-nhơn, thám hoa và cùng trong năm ấy, Trần-Thủ-Độ mở khoa thi Tam giáo : Nho, Thích, Lão, ai hơn thì đỗ khoa giáp, ai kém đỗ khoa át. Đặc biệt chú ý đến những bậc anh-tài, Trần-Thủ-Độ lựa những nho-sinh giỏi văn tuyển vào làm việc ở những quán, các, sảnh, viện. Dưới chế-độ « trọng văn » những tay cự-phách trong làng « hàn mặc » đều được bổ dụng. Kế đó noi theo chức Hàn-lâm học sĩ đời Lý, Trần-Thủ-Độ đặt ra chức Hàn-lâm thừa-chỉ. Chức-trách này rất trọng, thường tuyển chức Thái-sư mật viện sung vào để kiêm chức nội mật-viện chuyên việc soạn chiếu thư. Sau này, những bậc danh nho như Nguyễn-Trung-Ngạn, Trương-

Hán-Siêu, Mạc-Đĩnh-Chi, Chu-Văn-An, Lê-Quắt, Phạm-Sur-Mạnh v. v. đã kế tiếp nhau sung chức Hàn-lâm : phẩm-giá chốn ngọc đường thật là thịnh tuyền một thời.

Nhưng, trong trang văn-học-sử, Trần-Thủ-Độ tạo ra cho nước Việt-nam có việc soạn quốc-sử là đáng chú-ý hơn cả. Sau khoa thi đình-vị (1247), Trần-Thủ-Độ cất bảng-nhơn Lê-Văn-Hưu (quán ở huyện Đông-sơn, tỉnh Thanh-hóa) sung chức Hàn-lâm viện học-sĩ kiêm quốc-sử viện giám tu, đứng chủ biên bộ Đại Việt sử-ký. Đó là một công cuộc tuy trùng-tu nhưng ở vào thời bấy giờ mọi việc còn bỡ ngỡ, tài liệu phải bới tìm nên chẳng sao tránh khỏi được nhiều nổi chật-vật. Nhưng, sử gia Lê-Văn-Hưu đã thành công và ngày 15 tháng giêng năm nhâm-thân (1272) niên hiệu Thiệu-long thứ 15 đời Trần Thái-Tông (1258-1278) đã viết xong 30 cuốn Đại việt sử ký chép từ đời Triệu Vũ-vương (207-137 tr. T. L.) đến đời Lý Chiêu-Hoàng (1225).

Nhưng, công-nghiệp vĩ-dại mà Trần-Thủ-Độ lưu lại cho hậu thế là việc tổ-chức nền binh-chế Việt-nam. Muốn kiểm-tra hộ số toàn quốc, Trần-Thủ-Độ đặt ra những sở « trưởng-tịch » chuyên ghi chép danh sách dân gian trong xã thôn từ quan văn, quan võ, tư-lại, binh-linh, hoàng-nam, lung-lão, tàn-tật, người đến ngụ cư hay xiêu-lạc tới trong làng. Dân gian phân ra từng hạng, con trai từ 18 tuổi thuộc hàng tiêu hoàng nam, từ 20 tuổi thuộc hàng đại hoàng nam còn từ 60 tuổi trở lên thì vào lão hạng.

Việc binh-chế được chỉnh-đốn lại và công-cuộc quốc phòng được tổ-chức rất chu-đáo. Bao nhiêu dân tráng trong nước đều phải đi

linh. Từ các thân vương đến các hoàng thân, quốc-thích ai nấy đều phải hiểu rõ việc dụng binh và có quyền mộ quân lính. Cho nên, có thể nói là suốt lịch-sử Việt-nam binh-linh nhà Trần tinh-nhuệ nhất và lúc quân Mông-cồ hai lần sang nước ta, Hưng-Đạo đại vương Trần Quốc-Tuấn mới có đủ 25 vạn quân tinh luyện chống nạn ngoại-xâm.

Lúc Trần Thủ-Độ đang ra công kiến-thiết lại nước Việt-nam thì nhà Tống (968-1278) bên Trung-hoa mất ngôi. Nhà Nguyên dấy nghiệp. Năm đinh-tị (1257) tướng Nguyên là Ngột-lương-hợp-Thai từ Vân-Nam đem quân sang địa-phận nước Việt-nam đoạn nơi đường sông Thao (Hưng-hóa) xuống đánh Thăng-long. Trần Quốc-Tuấn vâng lệnh Trần Thái-Tông đem binh lên chống-giữ, nhưng ít quân phải lui về đóng tại Sơn-tây. Quân Mông-cồ tràn xuống sông Hồng-hà. Thái-Tông ngự giá thân-chinh, nhưng địch quân quá mạnh, ngài phải rời kinh-đô về đóng tại sông Thiên-mạc (thuộc huyện Đông-an, tỉnh Hưng-yên). Quân Mông-cồ vào Thăng long. Thấy tình-thế nguy-ngập quá, Thái-Tông ngự thuyền đến hỏi Thái úy Trần Nhật-Hiệu. Nhật-Hiệu không nói gì, chỉ cầm sào viết xuống nước 2 chữ « Nhập Tống ». Thái-Tông lại đến hỏi Thái-sư Trần-Thủ-Độ. Thủ-Độ cũng cúi trả lời : « đầu tôi chưa rơi xuống đất thì xin bệ-hạ đừng lo ». Do đó, Thái-Tông quả-quyết tiến đánh Đông bộ-đê (phía đông sông Nhị-hà ở hạt huyện Thượng-phúc). Quân Mông không quen thủy-thổ, mỗi-một lo, phải rút về Vân-nam.

(Xem tiếp trang

VĂN HÓA ĐÔNG DƯƠNG

Số 7

Ứng-hóa NGUYỄN-VĂN-TỐ

N GƯỜI Cao-miền không những biến-đổi văn-hóa Ấn-độ thành một văn-hóa riêng theo cái đặc-tính của mình, lại còn đem khai-hóa cho các nước khác nữa. Sau khi bị láng-giềng đến đánh, tàn-sát rất nhiều, lại bị các vua về thế-kỷ thứ 12 bắt xây nhiều đền - đài làm cho dân kiệt lực phải bỏ hết các công việc sản-lạc, rồi chăm-chú vào cảnh diêm-tĩnh của đạo Phật Tích-lan (boulisme cingalais), hoặc xâu-xé nhau trong những cuộc nội-loạn. Lúc bấy giờ người Cao-miền mới đem chuyện được văn-hóa Ấn-độ sang tay người Thái ở Mékong và Ménam.

Người Lào cũng như người Xiêm thuộc về gốc Thái. Gốc Thái ấy nay ở cả miền giữa Đông-dương từ phía đông Diên-điện cho đến thượng-du Bắc-kỳ, lan cả sang Tàu, vào tỉnh Vân-nam, Quảng-tây và một phần Quý-châu.

Xét ra giống người Thái ở Đông-dương bây giờ, là người Thái đến sau, có lẽ đi từ Vân-nam xuống.

Trước khi người Thái xuống miền nam, thì phía đông còn ở phạm vi nước Tàu. Nước cũng có lẽ có ít người theo đường bộ từ Tàu sang Ấn-độ, đi qua Vân-nam và Assam tiếp-xúc với Ấn-độ lâu, nhưng tiếp-xúc từ đường biển, chứ không phải liên tiếp. Xem những bức tranh chạm trên tường đá Angkor Vat, những người Xiêm thuộc về thân-phục nước Cao-miền

(thế-kỷ thứ 12), trông hết như những dân miền núi thượng Lào và mạn-ngược Bắc-kỳ.

Ở phía tây, thì người Thái tiếp-xúc với người Môn. Có lẽ nhờ có người Môn mà người Thái mới theo đạo Phật ở Tích-lan; luật-lệ thì phần nhiều bắt-chước người Môn. Người Thái ở lưu-vực sông Ménam đầu tiên phải dưới quyền nước Cao-miền (thế-kỷ thứ 11) rồi không bao lâu đồng-hóa với người Cao-miền. Đến cuối thế-kỷ thứ 13, các vương-hầu Xiêm ở Sukhothai thoát ách Cao-miền, nhưng cũng đã tiếm-nhiệm cái văn-hóa Ấn-độ của Cao-miền sâu lắm rồi.

Người Lào ở lưu-vực sông Mékong cũng ở dưới quyền nước Cao-miền. Vào cuối thế-kỷ thứ 12, bờ cõi Cao-miền lên đến tận Vieng Chan (Vientiane) bây giờ, hiện còn những vết-tích đền-đài ở Mờng Luống (Luang Prabang). Cách một thế-kỷ, vua Xiêm ở Sukhothai thoát quyền vua Cao-miền; không những thế, lại chiếm cả quyền bá-chủ của Cao-miền đến tận Mékong.

Vào giữa thế-kỷ thứ 14, vua tự-chủ thứ nhất của nước Lào là Fa Ngum, phò mã vua Cao-miền Fa Ngum dựng nước Mờng Luống (Luang Prabang), mới sự Cao-miền lên thuyết pháp. Đến thế-kỷ thứ 15, Mờng Luống phải chịu quyền thống-trị của vua ta trong ít lâu. Đến thế-kỷ thứ 16, bị người Diên-điện sang xâm-lấn (năm 1563,

1571) cũng như các nước người Thái ở phía tây; rồi người Diên-điện đem kinh-dò Lào xuống Vieng Chan. Đến thế-kỷ thứ 18, nước Lào chia làm đôi, là nước Mờng Luống với nước Vieng Chan thành một cái mối cho nước Nam và nước Xiêm, kết-cục nước Xiêm được và giữ quyền cai-trị nước Lào đến tận lúc nước Pháp can-thiệp tới.

Mờng Luống cũng như các nước Lào khác, vì địa-thế, cho nên thế nào cũng phải thuộc quyền các nước xung quanh, là nước Nam, Cao-miền, Xiêm và Diên-điện.

Văn-hóa nước ta tức là văn-hóa Tàu, không có ảnh-hưởng một tý, gì đến những chỗ bây giờ là đất Lào chỉ ảnh-hưởng đến người Thái (tức người Tù) ở mạn ngược Bắc-kỳ mà thôi. Dãy núi Trung-kỳ là một thứ bình-phong chắn ngang đường giao-hoà cho văn-hóa Ấn-độ và Trung-hoa.

Theo văn-hóa Ấn-độ là nước Cao-miền, Xiêm và Diên-điện: ba nước ấy đã đào-ạo cho nước Lào thành một văn-hóa riêng; Vieng Chan và giòng sông Mékong thì chịu ảnh-hưởng của Cao-miền và Xiêm; còn Mờng Luống thì chịu ảnh-hưởng của Diên-điện; nhưng đều là heo Ấn-độ về tôn giáo, chế-độ, mỹ-thuật và văn-chương. Đối với nước Tàu và nước Nam thì nước Lào có thể ví như một cái đồn đóng ở biên-giới để bảo-thủ cho văn-hóa Ấn-độ ở Đông-dương.

Thế là có hai trào-lưu ở ngoài đem đến mà sản-xuất ra, một đảng là văn-hóa Việt-Nam, một đảng là văn-hóa Chiêm-thành, Cao-

miền và Lào, hai đảng gặp nhau ở Đông-dương, nhưng mà không có dung-hòa với nhau. Ấn độ với Trung-hoa đời xưa, tuy có giống nhau về một vài việc, nhưng khác với Âu-châu; đến khi mang văn hóa sang Đông-dương thì đã khác nhau hẳn; kể ra sang Đông-dương cũng đã muộn, nên mới sinh ra hai nền văn-hóa khác nhau, là văn-hóa Ấn-độ và văn-hóa Trung-hoa. Thấy khác nhau như thế, ai cũng phải ngạc-nhiên. Có lẽ vì hai nước đi khai-thác khác nhau: người Tàu thì chuyên về mặt chinh-phục và thôn-tính, quân Tàu đi đến đâu đóng luôn ở đấy, còn quân Tàu thì đem văn-hóa làm cho lan khắp ra, thấm sâu vào xã-hội Việt-Nam.

Người Ấn-độ thì không thế, không phải đem binh-lính đi sáp-nhập đâu cả, hình như không phải dùng đến võ lực mà người ta tự-nhiên theo: những nước lập lên ở Đông-dương trong mấy thế-kỷ đầu, chỉ lệ-lạc với các triều vua bên Ấn-độ bằng lối khầu-truyền, chứ không thuộc về chính-trị: hai bên bờ vịnh Bengale (Mạn-thi-gia-lạp) chao đoi sứ thần một cách bằng đẳng, không nước nào phải khuất-phục nước nào cả.

Chứ như nước Tàu bắt các nước phía nam phải làm bồi thần theo lệ cống-hiến, các quân huyện ở phía bắc Đông-dương thì có những quan Tàu cai-trị. Còn như các nước Ấn-độ ở Đông-dương thì quyền cai-trị đã có những ông vua độc-lập tự trị lấy; những vua ấy là người bản-xứ hay người lai Ấn-độ có những quân thần giúp việc là người Ấn-độ hoặc người đã nhiễm văn-hóa Ấn-độ.

Cái kết-quả của người Tàu là sự bành-chướng về binh-lực. Nói cho rõ hơn, là người Tàu có đem quân đi xâm-chiếm đến xứ nào,

Thông chế Pétain đã nói:

« Học sinh cần phải luyện tập thân thể cho tráng kiện để bây giờ đủ sức học hành, mai hậu đủ sức tham dự vào việc cải tạo quốc gia ».

thì xứ ấy mới chịu theo văn-hóa của Tàu. Ở trên bờ biển phía đông Đông-dương, văn-hóa Tàu không lan rộng ra quá địa-giới của Mã-Việt khi xưa (nam 43 sau Thiên-Chúa). Rồi về sau mới lan rộng về phía nam đến tận miền trung-châu sông Cửu-long, nhưng cũng phải đi chinh-phục, nghĩa là người Việt-Nam kế-tiếp văn-hóa Tàu cũng phải đi xâm-chiếm. Khác hẳn người Ấn-độ đối với man Nam-dương cứ tiến một cách thái-bình yên-ổn: ngay lúc vượt bể sang đến nơi, văn-hóa Ấn-độ đã bắt đầu lan rộng khắp các chỗ ngõ hẹp hang cùng, không sót một chỗ nào.

Còn chỗ quân Tàu đến xâm-chiếm, thì những chế độ, phong-tục, tôn-giáo, ngôn-ngữ và tự-thể, hết thay phải theo Tàu hay là bắt-chước Tàu một cách nô-lệ.

Nội những nước mà Ấn-độ đến chiếm bằng cái uy-thể văn-hóa, thì nước nào cũng giữ được cái đặc-tính của nước ấy, chỉ nhờ cái văn-hóa cao quý của Ấn-độ mà phát-triển ra. Vì thế mà văn-hóa Cao-miên, Xiêm-thành, Chà-và, tuy gốc ở Ấn-độ, mà mỗi văn-hóa một khác, mỗi văn-hóa có một vẻ riêng.

Nói tóm lại, về phương diện nhân-chúng, xã-hội, ngôn-ngữ thì ở Đông-dương rất là phức-tạp:

có lẽ ở trên địa-cầu, không có xứ nào có một cái diện-tích như thế, mà lại nhiều giống người, nhiều tiếng nói, nhiều tôn-giáo như Đông-dương. Trước khi người Âu-châu sang đây, cả hai cái văn-hóa Ấn-độ Trung-hoa, còn tranh-danh nhau sau chia nhau mỗi nước một địa-phận.

Có người bảo hai cái văn-hóa ấy khác nhau xa lắm; họ đem cái văn-hóa Ấn-độ ra nói rằng có tương-tự với văn-hóa Âu-châu. Cứ thực ra thì hai cái văn-hóa Ấn-độ và Trung-hoa chỉ khác nhau về hình-thức mà thôi: Ấn-độ với Trung-hoa có nhiều cái tín-ngưỡng giống từ đời tiền-sử; còn như Tàu thì mơn của Âu-châu nhiều thứ lắm: điều đó xưa nay không ai ngờ.

Thế cho nên có thể hy-vọng rằng: hiện nay ở Đông-dương, một bên là người bản-xứ, một bên là người Pháp, hai bên cùng cố gắng dựng lên một nền văn-minh mới, trong đó đủ cả các phần tử của văn-hóa Đông-dương và lại có cả cái chủ-nghĩa nhân-bản của văn-hóa Pháp nữa (Lược dịch bài G. Coedès, *Les Civilisations de l'Indochine*, theo bản thảo của tác-giả).

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Sách giá trị

PHẬT GIÁO TRIẾT HỌC

của PHAN VĂN HÙM

Giá 2\$80

THI HÀO TAGORE

của NGUYỄN VĂN HAI

Giá 4\$80

Nhà xuất bản VĂN-VIỆT

79, LAURELOT - ANOÏ

NAM ĐÀN BÁT CHÂU TỤC THẢO

(Lời thơ tân thành lập)

Tác giả: TÙNG-VÂN ĐẠO-NNÂN

XXX

Nam-phong biên-tập bộ kỷ-niệm thi

(Thơ-soạn)

*Báo Nam-phong, buổi thanh-hoàng hiện thế,
Hán-tự còn, mà ấu-trĩ Quốc-âm.*

Năm giáy một phở đồng-tâm ;

Đông, Tây nhịp mẩu, cồ, côm (kim) khúc vàng.

Tơ quốc-túy, đốt hương so phẩm trước,

Kho danh-sơn, ghi diệu đợi người sau.

« Huyền thanh dương-dật phương cầu ; »

Rằng năm Khái-định phụng cầu ngự-đề.

Chú-thích

Thanh hoàng : Lúa xanh là lúa mới thì còn non, lúa vàng là lúa cũ đã gần hết. Câu rằng : « Thanh hoàng vị tiếp », tức là thời-kỳ giáp hạt khoảng tháng tám tháng chín. Lúa vàng ví Hán-tự, lúa xanh ví Quốc-âm

Hiện-thế : Hiện ra cõi đời.

Năm giáy : Bắc-sử : « Ông Đại-Thuấn đàn ngũ huyền cầm, ca nam-phong thi. »

Đông, Tây : Đông, Tây học-thuyết.

Cồ côm : Cồ côm thư-tịch.

Tơ phẩm : Truyện Kiều : « Đốt lư hương ấy so tơ phẩm này. »

Danh sơn : Chỗ sách-vở bảo-tàng. Văn Tư-Mã-Thiên : « Tầng chi danh sơn, dĩ đãi kỳ nhân. »

Phụ-lục các nhân viên trong biên-tập-bộ :

Việt-văn chủ-bút thì ông Phạm-Quỳnh, tự Thượng-Chi, người Hải-dương. Hán-văn chủ-bút thì ông Nguyễn-Bá-Trắc, tự Tiêu-Đầu, người Quảng-nam. Sau khi ông Tiêu-Đầu vào Kinh, thì ông Thượng-Chi kiêm cả Việt-Hán chủ-bút. Việt-văn trợ-bút thì ông Dương-Bá-Trắc, hiệu Tuyết-Huy, người Hưng-yên, ông Nguyễn-Hữu-Tiến, hiệu Đông-Châu, người Hà-dòng. Hán-văn trợ-bút thì ông Lê-Dư, tự Cuồng, người Quảng-nam. Lạm dự trong ghế này mà cũng trợ-bút về Việt-văn thì tức là Tùng-Vân đạo-nhân Nguyễn-Đôn-Phục, người Hà-dòng. Ngoài ra cũng còn có nhiều người trực-tiếp hoặc

gián-tiếp trợ-bút Nam-phong giúp ích được phần nhiều. Những ngài từng xem Nam-phong chắc đã hiểu rõ, chứ ở đây không kể được xiết. Nam-phong hiện ra đời về khoảng niên-hiệu Khái-Định và niên-hiệu Bảo-Đại một thời-kỳ mười lăm năm, kể là đã có ngày tháng, đã có thành-tích. Còn như thời-đại, tâm-sự, chủ-nghĩa, mục-dịch, vinh-ngộ của Nam-phong thế nào, thì xin lãm-giả sau này cứ xem ở trong bài thơ cũng đủ hiểu rõ.

XXXI

Phú đắc « Đông-bích giữ lễ dăm đụn sách »

(Thơ soạn)

Kho Đông-bích, đã mấp mờ nét chữ ;

Giấy rách du ! Ta kịp giữ lấy lễ.

Chữ « trung » chữ « hiếu » còn kia,

Chữ « liêm » chữ « sĩ », nghĩa « lễ » nghĩa « tu ».

Sao Dực, Chấn nhận thiên thu cõi Việt,

Mực Trần, Lê in vạn thế khuôn Nho.

Văn-chương ta xếp từng bồ ;

Lễ cũ chẳng dứt tha hồ văn-chương.

Chú-thích

Phú đắc : Một phép đặt đầu bài trong cõi thơ, dùng một câu cổ-thi hay là một câu thơ đã biên-tập thành số để làm đầu bài, gọi là thẻ « Phú đắc ». (Đầu bài này nguyên là câu thứ năm trong bài Tự-thuật thứ hai, số 29 trích ra.)

Đông-bích : Một ngôi sao trong nhị thập bát tú. huyệt Thiên-văn cổ : « Sao Đông-bích chủ-trương về kho sách-vở trong thiên hạ ». Đường thi : « Đông-bích đồ-thư phủ. » Đông-bích tức là cái danh ở nơi chung kho sách-vở, chớ hiểu lầm là vách đông.

Dực, Chấn : Hai vị sao trong nhị thập bát tú. Thuyết Thiên-văn cổ : « Cõi đất Bách-Việt thuộc về phạm sao Dực, sao Chấn. » Cho nên người nước ta thường có câu : « Dực, Chấn sơn-hà » đề trở về tinh p lệ : « Việt-Thơ, cụ Hoàng-Thái-Xuyên tặng các thi-sĩ rúng cử khoa Tân-mão : « Dực, Chấn thiên thu ại, văn-chương vạn cổ tồn. »

(sẽ tiếp)

Hà-dòng HI-ÁN-TH

ĐIỂM ẢNH CHIỀU HÈ

Bút se dần ngọn cỏ,
Nghiên cạn dần nước son.
Cánh song tre bỏ ngõ,
Cành tre lặng gió buồn.

Bên song anh học trò,
Nheo mắt, vì nắng to,
Nhìn sang bờ giếng nọ
Trong ngõ rợp quanh co.

Kìa cô gái đông-lân,
Cánh tay da trắng ngần,
Lưng ong mềm uốn-éo,
Tay kéo nước lên dần.

Giọt nước trong xanh lạ,
Óng ánh như hạt châu.
— Giá ai kia cuộn lá
Hứng hạt ngọc cho nhau !

Rồi hãy gánh qua cầu...
Nước ngọc hôn tay ngọc,
Vương ngát mùi hoa cau.
— Hương lòng vương mấy chốc .

Buồn xem lời cô vấn :
« Thư trung hữu ngọc-nhân ».
Người ngọc đâu trong sách,
Người qua có một lần.

Một lần qua bóng nắng,
Rồi hoàng hôn xóa dần.
Bờ ao vang tiếng quốc,
Lòng nho-sĩ bấn-khoăn

« Thiếu niên tu cần học »...
Chim réo đọc trên cành.
Làm giai tu chi cả,
Nghe chim nhắc rật mình.

Nhà thanh đôi mái rạ,
Mơ giấc mộng cao-dinh.
Mẹ già mong tựa cửa,
Mơ thừa hiền thanh-danh.

Ra-rả thâu trường dạ,
Quyên giục-giã bên thành...
Hờ hững lòng thư-sinh,
Cho gió thoảng hương tình...

Khuya lắm cô thôn nữ
Còn nghe vắng đêm thanh
Tiếng ngâm thơ đọc sách,
Mường-tượng khách chung tình.

Khuya lắm cô chưa ngủ,
Còn du chiếc võng đay.....

Mơ ngày đeo yếm thắm,
Gol ngọc xỏ vấn hài ;
Mơ ngày muôn kẻ ngắm
Võng mình theo kiệu ai...

Du-dưa chân rùn rầy,
Mơ hoài, mơ thật say...
Rồi... êm êm tiếng ngáy,
Nhịp võng ngân thêm dài.

NGUYỄN DAN-TÂM

Đạo-hóa và nhân-loại

Số 1

MINH-TUYỀN

I

Còn pho lục tâm thần như trống rỗng,
 Một mình ta, trơ-trọi giữa đêm khuya,
 Ráo rần bước vu-vơ nơi đồng rộng,
 Mảnh không-gian đen-đặc chứa ly-kỳ.
 Chẳng một tiếng dế kêu trong khóm cỏ,
 Tiếng ve than, ren-rỉ với cảnh sương,
 Tiếng ran thở phi-phào trong cỏ-mộ,
 Tiếng sạt áo lau-lách mé Tô-giang !
 Thôn-da ngủ, say mê, không chớ sửa,
 Nước sông trôi, lặng-lẽ bởi vì đâu ?
 Cây im tiếng, dứt tình vương-vít gió,
 Khoảng mờ ng lung chan-chứa biết bao sầu ?
 Ta muốn gặp yêu-tinh hay quỷ-sư,
 Hay ma chơi cùng thánh chúa hiêng-liêng.
 Ta muốn gặp oan-hồn cô thiếu-nữ,
 Xót-xa thân, nài dỗ mối tơ-duyên.
 Ta muốn gặp đấng anh-hùng muôn thừa
 Đã bao phen vùng-vẫy chốn trần-ai.
 Ta muốn gặp tất cả người thiên-cổ,
 Đề cho ta chuyện vãi một dãi lời,
 Đề ta hỏi : « Dương-gian và địa-phủ
 Có những gì khác lạ đáng ghi chung ?
 Và kẻ chết, hóa thân cho cây cỏ,
 Đến nay còn lưu-luyến kiếp người không » ?

II

Tĩnh quá như địa-cầu trôi vụn-chuyền,
 Như muôn loài tiêu-diệt với muôn năm,
 Như mặt tích bóng dương vào vĩnh-viễn,
 Như trăng sao tan-biến về âm-thầm !
 Tối-tăm quá ! Ta ngờ ta dợn-thở,
 Mà trên đầu vực nước Thái-bình-Dương,
 Hay rẫy Hy-Mã-Lạp-Sơn bất hủ.
 Ta ngờ ta lạc tới xứ Diêm-Vương,
 Và đã bỏ Nhân-loại dương chinh-chiến,

Giấn thân vào cõi chết khỏi ưu-tư.
 Ta dừng bước, phóng xa tầm nhõn-tuyển,
 Và buồn than : « Sao sáng mọc đâu chưa ? »,
 Sao cứu-thế mà người đời ao-ước,
 Chiếu hào-quang rực-rỡ khoáng đêm trường,
 Tỏa những ánh thiêng-liêng soi non nước,
 Đề muôn dân biết đích tiến trên đường,
 Sao hướng dẫn loài người lên cõi sáng,
 Chốn cao-siêu, lộng-lẫy, thoảng hương sen,
 Nơi tranh-đấu, nhưng thái-bình vô-hạn,
 Lấy từ-tâm trí rộng để phân quyền.

III

Đêm tĩnh quá ! Hồn mơ xồng bóng tối,
 Biến nhập vào khối mực rỗng vô-biên.
 Ý-thức : ấy ra những tia chói-lọi
 Và dặt-dìu lý-trí loạn như điên.
 Ta quan niệm mòng-ménh bầu vũ-trụ
 Như bao-la mạng nhện rất mong-mạnh
 Tự xoay tít chung quanh đường kính giữa,
 Điểm chung-tâm là nhân-não thông-minh.
 Bao nhiêu bán-kính đều trục-xe cả,
 Có vô-ngần bánh chuyển máy huyền-vi.
 Người từ nhân-não tiến đi muôn ngả,
 Cứ lần theo những bán-kính mà đi.
 Rồi trở lại, noi theo đường bán-kính,
 Đề quay về trí-tuệ, khối chung-tâm.
 Đi lại thế, khôn ngừng trong động tĩnh,
 Là cuộc đời Nhân-Loại với muôn năm,
 Cuộc phóng-dại bầu-năng cùng trí-lự,
 Theo thời-gian mà chiếm cả không-gian,
 Cuộc chinh-phục gay-go lấy vũ-trụ
 Ở tay Trời vô-thượng, tôi nguy-nan.

(Còn nữa)

M. T.

Đại-Nam dật-sự

(Tiếp theo trang 5)

người giỏi đi, vài người cũng đủ; đem người võ-dũng đi, 2.000 không làm gì!», từ chối không nhận. Vua Hán bèn bãi chức của Trang-Sâm.

Tướng cũ ở Tề-bắc là Hàn Thiên-Thu, hăm-hở tâu rằng: « Một nước Việt con con như thế, lại có vua và thái-hậu làm nội ứng; chỉ có một mình thừa-tướng là Lữ-Gia ngang-trái; tôi xin đem 300 dũng-sĩ, thế nào cũng lấy được đầu Lữ-Gia để báo ơn.» Vua Hán mới sai Hàn Thiên-Thu cùng với em Cù-hậu là Cù-Nhạc (hoặc Lạc) đem 2.000 người vào cõi nước ta.

Lữ-Gia bèn hạ lệnh rằng: « Vua còn nhỏ, thái-hậu vốn người Tàu, lại cùng với sứ Tàu tư-thông, chỉ muốn nội-thuộc với Tàu, đem hết của báu của tiên vương dâng cho nhà Hán để định-hốt. Nhiều người Nam đi theo đến Tràng-an bị bán làm đầy-tớ cho quân giặc. Chỉ lấy cái lợi một lúc, không đoái đến xã-tắc họ Triệu, không có lo xa muôn đời! » Rồi cùng với em đem quân đánh giết Ai-vương và Cù-hậu, giết hết sứ-giả nhà Hán, sai người báo tin cho Tần-vương ở Thương-ngô và các quận ấp, lập con trưởng của Triệu Minh-vương là Kiến-đức Vệ-dương-hầu lên làm vua, tức là Vệ-dương-vương, con người vợ Nam-Việt (chép theo *Khâm-định Việt-sử*, quyển 1, tờ 31 a-32 b và *Đại-Việt sử-ký*, toàn-thư và tiền-biên quyển 2, tờ 15)

Năm canh-ngọ (111 trước Thiên-Chúa), khi Lữ-Gia đã lập Kiến-đức lên làm vua, thì quân của Hàn Thiên-Thu đã vào cõi, đánh phá các ấp nhỏ. Lữ-Gia bèn mở đường mang lương ăn, cách Phiên-ngung

40 dặm (kinh-đô của họ Triệu, bây giờ thuộc Quảng-dông), đem quân đón đánh Hàn Thiên-Thu, giết được, sai người đóng hòm, gói cờ sứ-tiết nhà Hán, đưa về cửa ải, khéo nói để tạ tội, rồi đem quân giữ nơi hiểm-yếu. Vua nhà Hán nghe tiếng, sai phục-ba tướng-quân là Lỗ-bác. Đức đem quân ra Quế-dương xuống Hoàng-thủy (theo *Đại-Việt sử-ký tiền-biên* quyển 2, tờ 15 b, thì là Nhạn-thủy), lâu-thuyền tướng-quân là Dương-Bộc đem quân ra Dự-chương xuống Hoành-bồ, qua-thuyền tướng-quân là Nghiêm và hạ lại tướng quân là Giáp ra Linh-lang, xuống Li-thủy, đến Thương-ngô, Tri-Nghĩa-hầu là Quý lấy quân Dạ-lang xuống sông Trường-kha, đều họp ở Phiên-ngung (chép theo *Đại-Việt sử-ký*, toàn-thư và tiền-biên, q. 2, tờ 15).

Lúc bấy giờ Tri-nghĩa-hầu lấy quân Nam-di sang đánh. Lan Quân sợ Vua Tàu bắt người già yếu đi xa sang nước láng giềng (tức nước Nam), bèn làm phản, giết sứ nhà Hán. Nhà Hán mới lấy người tội-nhân ở Ba-thục sang đánh Nam-Việt, cho tám chức hiệu-ủy đem quân đi (chép theo *Đại-Việt sử-ký*, tiền-biên quyển 2, tờ 15 b).

Mùa đông năm canh-ngọ (111 trước Thiên-Chúa) Dương-Bộc đem 9.000 tinh-binh sang Nam-Việt trước hết hăm đường Tầm-thiếp (thuộc Quảng-dông), phá bến đả rửa Lữ-Gia, cướp đợc thuyền thóc của Nam-Việt, rồi buộc thuyền thóc lại, đem quân đi trước, đè nén mũi nhọn của đất Việt, bắt vài vạn người ở đấy, đợc Bắc-Đức.

Bắc-Đức đem bọn tội-nhân ở

Ba-thục hơn nghìn người; vì đường xa cho nên đến sau, với Dương-Bộc, rồi cùng tiến.

Dương-Bộc đến Phiên-ngung trước. Vua Kiến-đức cùng Lữ-Gia giữ thành. Dương-Bộc chọn-mặt đông-nam cho là tiện-lợi, còn Bắc-Đức đóng ở mặt tây-Bắc. Lúc bấy giờ Giời đã tối. Bộc đánh quân Nam-Việt, phá được, thả lửa đốt thành. Trong thành vốn nghe tiếng Bắc-Đức, nhưng giời tối, chẳng biết quân nhiều ít thế nào. Bắc-Đức mới dựng đồn trại, sai sứ chiêu hàng, ng rời này hàng, thì cho ẩn tin, lại thả về cho chiêu người khác.

Dương-Bộc gia sức đánh, đuổi người vào trong trại Bắc-Đức. Sáng hôm sau trong thành đều hàng kiên đức và Lữ-Gia cùng vài trăm người đem chạy ra bể, xuống thuyền đi về phí tây. Bắc-Đức dò hỏi quân đến hàng, biết chỗ Lữ-Gia, sai người đuổi theo. Hiệu-ủy tư mã tên là Tô Hoảng bắt được vua Kiến-đức. Việt lang Đô-Kê bắt được Lữ-Gia.

Thương-ngô-vương là Triệu Quang cùng họ với vua Nam-Việt, nghe quân Hán đến bèn xin hàng. Quan giám ở Quế làm tên là Cừ-Ông chiêu dụ người Âu-lạc, cũng hàng cả. Lúc bấy giờ quân của hạ-lai qua-thuyền và quân Dạ-lang của Tri-nghĩa-hầu, chưa tới nơi, mà nước Nam-Việt đã bị Bắc-Đức và Dương-Bộc lấy mất rồi. Hai quan sứ trong nước đem một trăm con trâu, một nghìn hũ rượu, và sổ hộ-tịch hai quận Giao-chỉ và Cửu-chân đón đề xin hàng. Bắc-Đức cho hai quan sứ ấy làm chức thái-thủ quận Giao-chỉ và Cửu-chân, thống chi dân như cũ. Từ là nước Nam-Việt thuộc về Hán! (chép theo *Khâm-định Việt-sử*, quyển 2, tờ 1 a-2 b).

Còn nữa

Ứng-học NGUYỄN-VĂN

Văn-đề « HOC »

NHỮNG LÝ-DO CỦA MỘT CHƯƠNG-TRÌNH

NGUYỄN NHÂN

LUÔN trong 4 số Tri-Tân (97-98-101-102), tôi vừa khảo sát về sự tổ-chức tiểu-học, cao-đẳng tiểu-học và trung-học Đông-dương, vừa trình-bày một chương-trình cải-cách.

Tôi xin tóm tắt sau đây tất cả cái chương-trình đó.

Tiểu-học

1.) Có 5 năm chính thức và 2 năm dự-bị pháp-văn ;

2.) Trong 5 năm, từ đồng-ấu đến cao-đẳng, không kể môn quốc-văn, tất cả những kiến-văn phổ-thông như luân-lý, sử-ký, địa-dư, cách-trí, toán-pháp, vệ-sinh, đều học bằng quốc-ngữ hết ;

3.) Trong 3 lớp sơ-đẳng, trung-đẳng và cao-đẳng, có học pháp-văn, học như học một sinh-ngữ, bằng những bài tập-đọc, ám-tả, luận-văn, tập-dịch ;

4.) Hết 5 năm, thi tiểu-học toàn quốc-văn, có thêm những bài thi pháp-văn không bó buộc (épreuves facultatives), ai đỗ những bài phụ ấy thì trên văn-bằng tiểu-học chưa thêm mấy chữ « mention de Français » ;

5.) Đỗ tiểu-học mà có cả phần pháp-văn thì mới được học 2 năm dự-bị pháp-văn, đặt ngay trong trường tiểu-học ;

6.) Trường nào chỉ có 3 lớp đồng-ấu, dự-bị, sơ-đẳng, gọi là trường sơ-học và hết lớp sơ-đẳng thì lấy bằng sơ-học ; nhưng ở trường tiểu-học, học-sinh sơ-đẳng cũng có thể thi sơ-học mà nếu thi không đỗ, cũng có thể lên lớp trung - đẳng thường.

Cao-đẳng tiểu-học

1.) Chỉ học có 3 năm thôi ;

2.) Phải đỗ tiểu-học từ 2 năm trước mới được thi vào C. Đ. T. H. ;

3.) C. Đ. T. H. có mục - đích là ban-bố một học-thức phổ-thông cho những người sẽ phải tìm kế sinh-nhai sau 3 năm học hay sẽ vào các trường chuyên - môn về kỹ - nghệ, thương-mại, v.v .. ;

4.) Vì thế, chương-trình học rút nhẹ hẳn đi ;

5.) Muốn học đến tận bằng tú-tài thì vào thẳng trung-học, chứ không nên chạy qua cao - đẳng tiểu - học.

Trung-học

1.) Phải đỗ tiểu - học từ 2 năm trước mới được thi vào trung-học ;

2.) Đỗ vào học rồi phải qua một năm ở lớp dự-bị để luyện thêm pháp-văn rồi mới lên lớp 6 ;

3.) Có đủ 2 ngành : cận-đại (học anh-văn) và cổ-diễn Á-đông (học hán-văn) ;

4.) Từ lớp 6 trở lên theo đúng chương - trình của người Pháp, có thêm những giờ quốc-văn, quốc-sử và địa-dư bản-xứ.

Tôi tin rằng sau 5 năm tiểu-học đổi mới như thế, người dân Việt-nam đã có một học - thức phổ-thông chắc - chắn, mà về môn pháp-văn, chẳng giỏi gì họ cũng đủ chữ nói được, viết được, cho người Pháp hiểu họ : thế là tiểu-học đã đạt được mục-đích của nó.

Tại sao tôi không đem 2 năm dự-bị pháp - văn chắp vào 3 năm

cao - đẳng tiểu - học hay 8 năm trung-học, để học-sinh có thể thi ngay vào các trường công sau khi mới đỗ tiểu-học xong ?

Trước hết là vì mục - đích « truyền - bá pháp - văn » : một đẳng đặt những lớp dự-bị pháp-văn ấy trong một trăm trường tiểu-học, một đẳng ghép nó vào một trường cao - đẳng tiểu - học hay trung-học, đẳng nào lợi cho sự truyền-bá tiếng Pháp ?

Thứ đến chuyện « tiền » : hai năm dự-bị pháp - văn đặt ngay trong trường tiểu-học, học không mất tiền ; nếu đem nó vào trường cao-đẳng tiểu-học hay trung - học, người ta sẽ không ngần ngại gì mà bắt học-sinh phải trả tiền học.

Bản chương-trình tôi phác-họa ra trên đây là cốt để ứng-dụng trong trường công. Vì chỗ ngồi trong trường công có hạn, nên mới có những điều-kiện bó buộc để vào lớp dự-bị pháp-văn, vào cao-đẳng tiểu-học hay trung-học.

Nếu đỗ tiểu - học có cả phần pháp - văn, học - sinh được nhận ngay vào lớp dự-bị pháp-văn trường công, học không mất tiền. Không có phần pháp-văn thì học tư hay học lấy. Rồi hai năm sau, họ sẽ có dịp gặp nhau trong những kỳ thi vào C. Đ. T. H. hay trung-học trường công. Muốn thi chỉ phải đưa trình bằng tiểu-học đỗ từ 2 năm trước có hay không có phần pháp-văn cũng được.

Lúc thi C.Đ. T. H., học - sinh trường công chỉ phải trình học

bạ đủ 3 năm C. Đ. T. H., không cần đưa trình bằng tiểu-học, vì lẽ phải có bằng ấy rồi mới được thi vào học.

Còn học-sinh trường tư, muốn thi C. Đ. T. H. phải :

1.) Đưa trình bằng tiểu-học, đỗ từ 5 năm trước, có hay không có phần pháp-văn cũng được ;

2.) Đưa trình học-bạ đủ 3 năm C. Đ. T. H.

Theo chương-trình bày tỏ trên kia, tôi vừa muốn có một ngành trung-học cận đại đầy đủ như của người Pháp, vừa muốn có một ban cao-đẳng tiểu-học rút xuống 3 năm.

Có người sẽ hỏi : Người Pháp đã đổi cao-đẳng tiểu-học của họ thành bậc nhất trung-học cận-đại, sao ta không làm thế ?

Trong bài : « Tại sao bậc C. Đ. T. H. Pháp không còn nữa ? » (Tri-Tân số 66), tôi đã giảng nghĩa vì đâu có sự cải-cách ấy.

C. Đ. T. H. Pháp xưa kia nguyên có hai mục-dịch : mở mang học-thức phổ-thông (culture générale) và dạy học-sinh những điều cần biết cho nghề-nghiệp họ sau này (formation professionnelle). Vì thế C. Đ. T. H. Pháp mới chia ra nhiều ban học : ban thương-mại, ban kỹ-nghệ ban canh-nông và một ban chuyên về mặt gì cả, mệnh-danh là ban « phổ-thông » (section générale). Lâu dần, ban phổ-thông choán hết nền cao đẳng tiểu-học. Lâu dần, chương-trình C. Đ. T. H. ngả hẳn về mặt phổ-thông, sao nhãng hẳn mặt chuyên-nghiệp. Rồi đến nghị định 11 Avril 1938 của bộ giáo-dục Pháp, thì 4 năm C. Đ. T. H. theo đúng chương-trình 4 năm bậc nhất trung-học cận-đại. Như thế thì bây giờ người

ta có tuyên-bố đổi bậc C. Đ. T. H. thành bậc nhất trung-học cận-đại, là chỉ để kết-thúc một tình-thế hiên-nhiên thôi, chứ không có gì mới lạ hết.

Ta phải tránh dùng đề C. Đ. T. H. của ta chịu chung số-phận với C. Đ. T. H. Pháp.

Như tôi đã nói, C. Đ. T. H. mới của ta, rút xuống 3 năm, không phải để cho những người có ý học đến tận bằng tú-tài ; muốn thế thì vào thẳng trung-học để học anh-văn hay hán-văn từ lớp 6.

Ta phải ấn-định cho C. Đ. T. H. mới của ta một công-dụng, một chương trình khắc hẳn bậc nhất trung-học.

Công dụng ấy là ban-bố một học-thức phổ - thông bằng Pháp văn, cao hơn trình-độ tiểu-học một bậc, cho những người sẽ phải tìm kế sinh-nhai sau 3 năm học, hay sẽ vào các trường chuyên-môn về thương-mại, kỹ-nghệ, v. v... Phần đông gia-đình Việt-nam không thể cày-đánh học-phí trong tám chín năm ở trung-học cho con em được. Một nền C. Đ. T. H. trọn vẹn trong 3 năm rất hợp thời đối với những người này.

Vì công-dụng ấy mà C. Đ. T. H. mới phải có một chương-trình tự nó trọn vẹn trong 3 năm : chương trình ấy nhất định không thể giống chương-trình bậc nhất trung-học cận đại được.

Ta đã có một ngành trung-học cổ-diễn Á-đông. Tôi muốn có một ngành trung-học cận-đại đầy đủ như của người Pháp. Và ta phải nhớ rằng, một khi trung-học của ta đã rập theo kiểu-mẫu trung-học Pháp để đi đến cái bằng tú-tài tây, thì, ngoài sự lấy hán-văn thay cho latin - grec, ngoài sự

đặt thêm những giờ quốc-văn, quốc-sử, địa-dư bản - xứ, ta phải nhất nhất theo đúng chương-trình trung-học Pháp,

Trong Tri-Tân số 102, tôi đã nói rõ về sự xếp-đặt những giờ quốc-văn quốc - sử và địa - dư bản - xứ trong chương - trình trung - học, xin miễn nhắc lại một lần nữa.

Ở đây, tôi chỉ muốn dẫn ra những chứng-cớ tỏ rằng chương-trình C. Đ. T. H. không thể giống chương-trình bậc nhất trung học được, và nó đã không giống nhau thì không thể lấy cái này thế cho cái kia được :

1.) Về khoa pháp-văn, C. Đ. T. H. hiện-thời cũng như bậc nhất trung-học bắt đọc một số rất nhiều tác-phẩm văn - chương, mỗi năm có đến bảy tám quyển. Cái đó rất lợi cho những người sau này sẽ học đến bằng tú-tài. Còn đối với những người sẽ từ-giã học-đường sau 3 năm học, thì chỉ nên chú-trọng về tiếng Pháp (langue française) ; còn văn-chương Pháp (littérature française) có thể sơ lược đi được : mỗi lớp chỉ một quyển « văn-tuyên » (morceaux choisis) là đủ rồi.

2.) Vào trung-học cận-đại phải học anh-văn ngay từ lớp 6 ; C. Đ. T. H. không có môn này mà cũng không cần đến nó.

(Xem tiếp trang 17)

Muốn làm giàu mua vé số

Đóng Phap

1p. 0 một vé

Tả-quân

Lê Văn-Duyệt

(1763-1832)

Số 4

NGUYỄN TRIỆU

Một ngày kia, đức Minh-mạng xuống chiếu cho vời tất cả các cố đạo tây ở trong nước về Huế để Hoàng-đế có việc ủy thác, các thầy ở trong Nam ngoài Bắc lục-tục kéo nhau về cả Phú-xuân thì đều bị tổng ngục. Bấy giờ các Đức cha mới bàn nhau gửi thư vào Gia-định cầu-cứu với quan Tả-quân vì trừ Lê văn Duyệt ra, không còn ai có thể bảo-toàn tính-mệnh cho các cố đạo tây được.

Sau khi được tin ấy, Tả-quân Lê hét lên mà rằng :

— « Ta phải tiến kinh ngay mới được ! Sao lại có việc tàn bạo đến như thế này ! Sao Thánh thượng không nghĩ đến những công-lao các thầy (1) giúp ta những lúc cơn không có mặ ẫn, áo không có mà mặc ! »

Thế rồi quan Tả-quân liền đem hết các giấy-tờ của đức Cao-hoàng ngày xưa trao đổi với đức thầy Bà-Đa-Lộc cùng là những tang-chứng khác về công lao của các người Pháp đã giúp đức Cao hoàng khi còn ở xứ Gia-định rồi tức khắc đi ởng ra Huế. Bấy giờ vào đầu đông nam Đinh-hợi (Décembre 1827), Tả-quân Lê vào bệng đức Minh-mạng mà tỏ bày việc ấy thì các thầy liền được

tha ra hết và đầu lại về đó giảng đạo như xưa.

Khi bấy giờ những tàu của người Pháp sang xứ ta mà vào cửa sông Saigon thì bao giờ cũng được Lê Tả-quân vui vẻ tiếp rước, song trái lại, nếu không biết, mà vào cửa Đại hay cửa Thuận thì sẽ bị bạc đãi liền, nên thời bấy giờ những người phương Tây qua lại nước Nam chỉ có Tả-quân Lê văn Duyệt là bạn tốt của người Pháp. Trong cuốn *Souvenirs de Hué* của Michel đức Chaigneau cũng có một đoạn ca-tụng quan Lê Tả-quân như vậy.

Năm Minh-mạng thứ ba (1822), Lê văn Duyệt đang làm tổng-trấn thành Gia-định (bấy giờ Trương-Tiến Bảo (1752-1827) làm phó tổng-trấn), có việc giao-thiệp với mấy người Anh-cát-lợi khi họ cập bến Cần-thơ một chiếc tàu biển.

Rồi, để tránh tiếng hiềm-nghĩ về mặt ngoại-giao, Duyệt cùng Bảo có liên danh làm một tờ tấu, trình việc ấy lên Tr ều đình Huế.

Cứ như trần-hệt-phẩm (collection) bày ở khu Lịch sử trong Hội-chợ Hà-nội năm 1941-42, thì tấu bản ấy bằng chữ nho, viết trên thứ giấy lịnh rộng khổ trong có đóng ấn « Gia-định tổng-trấn » (ình vuông) và dấu « Gia-định thành

tổng-trấn chi ấn » (hình chữ nhật) Đến chỗ vua Minh-mạng châu phê mấy chữ « Tri đạo liễu. Kham thử ! » (Biết rồi. Kính đấy !) thì có đóng ấn hình tròn trong đề « Ngự biên chi bảo ».

Tài liệu này do bạn Hoa-Bảng giúp cho và dịch đỡ tờ tấu-trình ấy như dưới :

« Khám sai Gi-định thành tổng-trấn thần là Lê văn-Duyệt và phó tổng-trấn thần là Trương-Tiến-Bảo cúi đầu ; rạp đầu trăm lạy kính cẩn tâu rằng :

« Nguyên trước đây, ngày mùng tám tháng này có một chiếc tàu hạng lớn của nước Hồng-mao cập bến Cần giờ. Viên-quan coi giữ bến ấy đã xét hỏi và dẫn viên thuyền-trưởng Crawford vào thành để trình một phong thư bằng tiếng hồng-mao của Lord Hastings Pierre Medard Diard, tổng-đốc nước ấy

« Bầy tôi đã sức viên thông-ngôn tiếng tây là Lê văn-Minh và viên thầy thuốc người Ba-lang-sa (Pháp) là Đì-a-đế ?) cùng với Trần-Thái người Tàu cùng đi tàu ấy, theo nguyên-thư mà dịch ra để trình-bày tỏ-tướng.

«Bầy tôi xét theo những lời đã dịch, thấy lời nói tuy hơi khác với ta, nhưng nhận kỹ ra, thì ý trong thư chỉ là muốn tìm chút phương-tiện để lo-tình làm ăn mà thôi, chứ không dă-dộng đến việc ngoại-giao với nhân-thân là điều đáng kiêng-răn chi hết

«Bầy tôi nghĩ họ là hạng người ngoi vòng giáo-hóa, nên chỉ lấy lời dịu-dàng mà báo họ đi, chứ không cự-tuyệt gì cho lắm.

«Bọn họ lại đem tặng bầy tôi một tấm nhung hồng, một tấm nhung xanh, một tấm nhung kẻ, một tấm vải in mắt voi, một tấm vải in cánh sâu sa, một tấm vải to, một cái kính thiên-lý, 10 thùng dâ tiêu (dùng làm thuốc súng) và một đôi súng lay.

Bầy tôi đã ngọt-ngào từ chối, song họ không chịu.

«Những sự-tình ấy bầy tôi đã làm biểu tấu. Đến ngày 18 tháng này, bọn họ cáo từ, xin ra cửa bến Cần-giờ để lại đáp tàu cũ vượt ra biển tới Kinh-dương thư lên trình.

«Bầy tôi thiết tưởng tại nhãi ấy rất là giáo-hiệt, nên đã mật sai cai-lội Nguyễn Công-Cần trong đội nhất quân Võ-tín ở trong thành đi đến nơi canh-gác ở Cần-giờ, điều bát lấy một chiếc thuyền biểi nhanh nhẹ theo hút tàu ấy. Bầy tôi lại dặn Nguyễn Công-Cần rằng nếu chiếc tàu ấy quả cứ một đường tới Kinh để chiếm bái thì thôi; vì bằng thấy họ tấp vào địa-phương nào thì phải đến trình quan sở tại biết rõ để phòng ngừa đừng để tại nhãi ấy giờ trở mà-mãnh ra mới được.

«Mới đây, thấy cai-đội Nguyễn Lộc Thái ở đội thứ tư, về thứ nhất quân Tả bảo trong thành là người đi hộ tống, về trình rằng hồi giờ mùi (từ 1 đến 3 giờ chiều) ngày 19 tháng này, chiếc thuyền hồng-mao đã xuôi gió, dương buồm, vượt biển đi rồi.

«Vậy xin kính-cần trình-bày là thế. Nếp xin Nhà-vua sáng tỏ như đuốc soi xét rõ cho. Bầy tôi xiết biao cạnh-cánh, nơm-nớp, thật sợ, thật hãi!

«Cần tấu.

«Ngày 20 tháng 7. năm Minh-mạng thứ ba (5 Septembre 1822)

Thần: Lê văn-Duyệt

Thần: Trương Tiến-Bảo

(Còn nữa)

NGUYỄN TRIỆU

(1) Thời bấy giờ gọi các cổ đạo là các thầy

Vấn đề « HỌC »

(Tiếp theo trang 15)

3.) Về sử-ký, khoa-học, toán-pháp, chương-trình trung học dần ra sáu bảy năm, hết bậc nhất mới hết một nửa chương-trình thôi, trong khi C. Đ. T. H. mới phải thu hết vào trong 3 năm, nghĩa là phải sơ-lược đi nhiều.

Về sử-ký, hai lớp 6 và 5 trung-học học toàn về sử Hi-lạp và La-mã cả. Những ông thư-ký tương-lai của sở công sở tư, những người sẽ hoạt-động về thương-mại, kỹ-nghệ, có cần gì những môn ấy đâu

Về khoa-học, bậc nhất trung-học chỉ có tự-nhiên học (sciences naturelles); lên đến bậc nhì mới có vật-lý-học (physique) và hóa-học (chimie).

Về toán pháp, lớp 6, 5, 4 trung-học chỉ có môn số-học (arithmétique) thôi; từ lớp 3 trở lên mới

có đại-số-học (algèbre) và kỷ-hà-học (géométrie).

C. Đ. T. H. phải làm sao trong 3 năm có đủ ngần ấy thứ, nhưng theo một chương-trình rút ngắn đi nhiều

Bỏ C. Đ. T. H. và bất học-sinh của nó phải sang trung-học, thì những ai vì hoàn-cảnh gia-đình bỏ buộc hoặc vì thi hỏng những kỳ thi đặt ở cuối lớp 3, mà phải từ-giã học-đường, tất sẽ có một cái học thi ấu-thốn về sử-ký, khoa học, toán-pháp.

4.) Về địa-dư, 3 năm C. Đ. T. H. có thể theo chương-trình 3 lớp 5, 4 và 3 trung-học đã ấn-định như thế này:

Năm thứ nhất C. Đ. T. H. (lớp 5 trung-học): Thế-giới trừ Âu-châu ra (Le Monde moins l'Europe)

Năm thứ nhì C. Đ. T. H. (lớp 4 trung học): Âu-châu trừ nước Pháp ra (L'Europe moins la France)

Năm thứ ba C. Đ. T. H. (lớp 3 trung học): Nước Pháp (La France)

Ngoài ra năm thứ ba C. Đ. T. H. của ta còn thêm mỗi tuần một giờ học địa-dư bản xứ, cũng như cũng như hai năm nhất và nhì mỗi tuần thêm một giờ học quốc-sử.

Tôi giám chắc, với những chứng cứ đã dẫn ra đây, độc-giả cũng đã có thể nhận như tôi rằng: vì công-dụng phải khác nhau, vì chương-trình phải khác nhau nên có một nền cao-đẳng tiểu-học 3 năm như tôi đã bày tỏ mà cũng nên có một ngành trung học cận-đại đầy đủ, thêm vào ngành cổ-điển Á-đông hiện đã có của ta.

Thế là tôi đã trả lời cho câu hỏi: Tại sao không bắt chước sự cải-cách của người Pháp?

NGUYỄN NHẢ.

Cũng về vấn-đề « Học », đọc Tri Tân số: 59-60-66-68-69-91-93, 97-98-101-102.

MỘT VÀI KIẾN VĂN

trong dịp đi thăm làng Bối-khê

Số 2

VU-NGÃ

Nguyễn Trục có khiếu thông minh, bé mà chăm-chỉ, 12 tuổi đã biết làm văn, 18 tuổi đỗ Hương-tiến thứ nhì ở Sơn-tây. 26 tuổi (1442), đỗ đầu đệ nhất giáp tiến sĩ, tức là trạng nguyên khoa nhâm tuất niên hiệu Đại-bảo thứ 3. Năm Nhân-tôn Thái-hòa (1443-1454) làm Hàn-lâm học-sĩ đồ kị-úy rồi được phong làm An-phủ sứ ở Nam-sách, thăng Hàn lâm viện thị giảng kiêm ngự tiền học sinh, 2 cục thị-cận và thị ngự-tiền, làm trung-thư thị lang, vâng mệnh đi sứ Tàu. Gặp kỳ thi, ông là Bối-thần xin ứng cử, lại đỗ tiến sĩ cập đệ. Cho nên đời bấy giờ gọi là « lưỡng quốc Trạng-nguyên ».

Nam Diên-ninh thứ 2 (1455), nhà có tang, ông về quê, học trò 4 phương theo học kẻ đến hàng nghìn. Hết trở có sứ nhà Minh sang, vua Lê Nhân-Tôn (1443-1458) sai ông làm những văn thư đi lại và làm biếu mừng vua Tàu lên ngôi. Vua sai thợ vẽ, vẽ tượng ông đề bên tả bên hữu.

Ông thường đi sứ Tàu có họa nam bài thơ tiễn biệt với sứ nhà Minh.

Vua Nhân-Tôn gặp biến, ông làm van-tế nhờ rất thương xót.

Vua Thánh-Tôn lên ngôi (1460), hàng trọng ông về từ-chương. Nam Quang-Thuận thứ 2 (1461), cho ông làm Tuyên-phụng đại-phu trung-thư lệnh, tri tam quán-sự đại liên ban. Quyền lịch-triều hiến-chương có sao một bài thơ của

ông, dưới bàn rằng: « Xem như thế có thể tưởng tượng được cái phong-độ khí-khái của ông ».

Năm Hồng-đức thứ tư (1473) thăng Gia-hạnh đại-phu, Hàn-lâm-viện thừa-chỉ, kiêm quốc tử-giám Tế-tửu. Năm ấy ông mất, thọ 57 tuổi. Bình-sinh có làm quyển *Vân-liêu tập* (Đăng khoa lục chép là *Bối-khê thi tập*). Học trò thường gọi là Vân-liêu tiên-sinh. Ông là người đỗ cao, được trọng dụng, mà công danh coi hờ hững, thường có ý « cấp lưu dững thoái ». Thật là người cao thượng.

Nghe xong tiểu-sử cụ Nguyễn Trục do anh Trọng-Thần kể, công chúng đứng một phút yên lặng hướng vào ban thờ đề kỷ niệm một vị danh nho đã từng làm vẻ vang cho nước Việt.

Đoạn các bạn ra sân xem bia rồi lục-tục ra về đề đi viếng nhà thờ quan Hoàng-giáp Lê Huy-Trâm ở mé tay trái chùa Bối.

Từ-đường họ Lê quy mô khá rộng, ngoài có nhà đại-bái 5 gian, trong là hậu-cung ba gian có bệ thờ. Hoành phi câu đối nhiều lắm.

Cụ Lê-Huy-Trâm (1742-1802) trước tên là Lê-Huy-Tuân, sau đổi là Huy-Trâm, tự Ứng-Hiên, người xã Bối-khê, sinh giờ thìn, ngày mồng chín tháng 11 niên-hiệu Lê Cảnh-hưng thứ 3 (1742).

Cụ đỗ nhị giáp tiến-sĩ khoa Kỷ-hợi (1779) niên hiệu Cảnh-hưng thứ 40. Khi còn nhỏ, đi học, tay không lúc nào rời quyển sách, gặp

câu văn nào hay, Huy-Trâm biên chép ngay, đọc qua một lần là nhớ hết. Năm 21 tuổi, đỗ sinh-đồ; năm 37 Trịnh-vương tâu xin vua mở thính khoa, Huy-Trâm định không thi nữa, nhưng cụ thân-sinh là Tham-ngự Lê Cảnh bảo rằng: « Khai khoa là của nhà vua chứ không phải chúa Trịnh chuyên-quyền, con nên thi đỗ giúp nước, cha cũng được trông thấy sự hiền-vinh ». Huy-Trâm vâng lời, thi đỗ Hoàng-giáp làm quan Hàn-lâm viện hiệu-lý rồi thăng đến thị-độc. Khi ấy, quân Tam-phủ làm loạn, cụ Huy-Trâm lấy lẽ phải đỗ bảo được yên, hết thầy đều vui lòng quy thuận.

Sau cụ cáo nghỉ về phụng-dưỡng song-thân. Chẳng bao lâu Mẫu thân mất. Đang cư tang thì quân Tây-sơn kéo ra kinh thành Thăng-long, cụ đem quân chống giữ. Trận đánh Mai-lĩnh, em là vệ-úy Bích đi trước, bị hại, cụ đem binh đánh lấy lại được thi-thề của em đem về. Chỉ trong mấy tháng toàn hạt phủ Ứng-thiên lại được yên-tĩnh.

Qua năm Đinh-mùi, niên hiệu Chiêu-Thống năm đầu (1787), cụ lại gặp luôn tang phụ-thân. Ngày thường cư-quan vốn liêm nên không thừa thái gì, trải sau hai cái tang ấy, gia cảnh rất túng thiếu, nhưng cụ vẫn thản nhiên.

Tháng 9 năm ấy, phụng chiếu cầu vương, cụ đem quân vào kinh thành hộ-vệ. Tháng 10, quân Tây-sơn lại kéo ra, vua Chiêu-thống phải chạy lên Lạng-sơn, cụ cùng Trương-phái hầu Lê Quỳnh theo hầu Hoàng-thái-hậu và Nguyên-tử sang Tàu cầu viện. Tháng 10 năm sau, niên hiệu Chiêu-thống thứ 2 (1788), Tổng đốc Lương quảng

là Tôn-Sĩ-Nghị đem 20 vạn binh sang ứng viện, lấy lại được kinh-thành Thăng-long, cụ được tấn phong Ứng-khê-hầu, lĩnh chức Hiệp-trấn Sơn-nam.

Tháng 12 mới đi phó nhiệm thì cũng chính tháng ấy, quân Tây-sơn lại kéo ra Bắc. Khi nghe quân địch đến nơi, quan Trấn-thủ Sơn-nam là Hàm-xuyên-hầu Hoàng-Tổ-Nghĩa, đang đêm bỏ dinh mà chạy sang đông trước, quân bản trấn cũng tản nát cả. Dưới trướng cụ chỉ còn có mười mấy người vừa học trò vừa lính đông. Cụ bèn đặt hương án ở giữa sân bày các cáo sắc vua ban, lễ vọng về Lam-sơn mà đốt đi cả; đoạn, lấy lời nghĩa-phần dụ-bảo quân bản-trấn, vừa nói vừa ứa nước mắt khóc. Quân lính cảm động, xin theo được chừng 500 người. Cụ liền sắm sửa đủ lương thực khí-giới, đương đêm kéo lên kinh-thành. Nhưng đi đến Thanh-trì, quân theo chỉ còn mấy chục tên, vì họ nghe thanh-thế của quân Tây-sơn mạnh lớn, nên đều sợ hãi bỏ trốn cả. Cụ phải cải trang lên đến nhà người học trò ở làng Bùi-xá. Đến nơi thấy 2 con giai, ông em cùng người nhà đều ở tại đây, ai nấy vừa mừng vừa sợ.

Rồi quân Tây-sơn đã ầm ầm như gió như bão kéo đến Thăng-long đánh tan mấy chục vạn quân Thanh. Bấy giờ là ngày mùng 6 tháng giêng năm Kỷ-dậu (1789). tướng nhà Thanh là Tôn-sĩ-Nghị phải bỏ cả ấn tín mà chạy. Vua Chiêu-Thống lại phải chạy trốn sang Tàu.

Được tin báo chậm, cụ không theo kịp xa-giá, khóc mà than rằng :

« Vô chùng khả trác hương-nham địa
« Hữu trụ nan kinh kỷ-quốc
thiên. »

Định xong Bắc-hà, vua Quang-trung nhà Tây-sơn truyền chỉ đòi những bày tôi cũ nhà Lê phải đến bái-yết. Cụ Trâm khóc mà nói :

— « Nhà ta hưởng thụ ơn vua lộc nước, đến ta đã là năm đời, nay sự-thế đến như thế này, nếu không liều mình đền đáp ơn trên, cũng nên ăn thân ở chốn núi rừng, giữ trọn tiết của kẻ bày tôi, há nên thất thân với họ khác ? »

Ông em là Lê-Huy-Thân cũng khóc mà nói :

« Nay bọn mình cần phải trốn đi đề đợi thời mới được. »

Đến đêm, cụ Lê-Huy-Trâm đem gia-quyển, chạy lên ở làng Lưỡng-quán thuộc Sơn-tây, rồi lại thiên đến xóm núi, tại bến Suối, thuộc làng Thanh-trì, huyện Bình-Toàn (nay là Bình-xuyên, tỉnh Vĩnh-yên), cũng ở trấn ấy. Bấy giờ vì cơ đòi gọi không ra, vua Tây-sơn sai tịch thu cả gia-sản của cụ ở Xã-đàn và ở Bối-khê. Cụ được tin báo, cười mà rằng :

— « Nước vỡ thì nhà phải tan, ta là phận kẻ làm tôi còn phàn-nản gì nữa ! »

Vì ở Thanh-trì, lương thực không được kế tiếp, cụ lại đến ở làng Can-phôi. Ở được mấy hôm, có người chết, lại đến Lưỡng-quán, đến Phúc-sài, từ đó chỗ ở thường không nhất định. Cụ có bài thơ thuật hoài trong hồi này rằng :

Táng loạn niên lai khứ ngụ
Giản biên tâm phả Thạc-nhân
khoan (1)

Viêm lương nhiệm thích hưng
cư lý,
Phong ước đồ vong nhật dụng
gian.

Mẽ hữu thời không, vu thực
trở ;
Ngư phi thương đắc, giải đẳng
bàn.

Nhâm sinh dân sử tâm vô quý,
Thân ngoại hà phương mộng
huyền khan. »

Xin tạm dịch :

Từ phen loạn-lạc đến nay,
Núi non là chỗ thảng ngày nau
thân.

Bên khe, thơ Thạc-nhân lưỡng
trạnh,

Chỗ ở, tùy nóng lạnh sá chi !
Thân này gặp buổi lưu-ly,
Đòi no nào có quản gì nắng
mưa !

Không có cá lấy cua làm trọng,
Củ khoai món ngọt giọng thay
cơm

Tâm chẳng thẹn, chi không sồn,
Thân ngoài xem tựa một cơn
mơ-màng !
(Còn nữa)

VU NGÃ

(1) L. T. S. — Thạc-nhân là người
ân-sĩ. Trong kinh hi có câu : « Thạc-
nhân chi khoan ».

Sắp có bán

QUÊ HƯ'ÔNG

NGUYỄN TUÂN

Gần 500 trang. — Ấn loát
công phu. Bản thường :
4\$50. Bản quý : 20\$

Anh Hoa

69-Rue du Charbon-Hanoi

Thư và tiền đề tên

Đ. Mai-văn-Phúc

Trần-Thủ-Độ...

(Tiếp theo trang 7)

Trang sử sơ-lược kể trên đã khiến chúng ta nhận chân được sự dũng-mãnh của binh-lính đời Trần. Chúng ta lại còn tự hào là ông cha chúng ta đã tạo ra những đạo quân tinh-nhuệ luôn hai lần làm tỏa-nhực quân Mông-cồ là những đạo quân bách chiến, bách thắng. Hồi-hợp và mừng rỡ rồi chúng ta mới hiểu thấu rằng tài an bang, tế thế của Trần-Thủ-Độ với giang sơn Việt-nam không phải là nhỏ. Là vì, nếu năm ất-dậu (1225), Trần-Thủ-Độ không bày mưu cho Trần thay Lý thì chắc chắn rằng 32 năm về sau (đinh-tí 1257), vua, tôi nhà Lý (vì nhà Lý còn làm vua nước Nam) với chính-sách cai-trị đồi-tệ thế tất phải hàng phục quân Mông-cồ mà dân-tộc Việt-nam lại chẳng sao tránh khỏi cuộc Bắc-thuộc. Trần-Thủ-Độ cướp ngôi nhà Lý nhưng Trần-Thủ-Độ không làm mất nước Nam. Và, quân Mông-cồ

tuy tài giỏi và đánh đâu được đấy chấn-động cả Âu-châu, nhưng binh-lính Việt-nam được huấn-luyện chu-đáo và có tinh-thần đoàn kết mạnh-mẽ đã khiến đoàn binh sĩ hiếu sát ấy ôm cái nhục đại bại về Tàu.

Chúng ta lại còn biết rõ hơn nữa là lệ cưỡng bách đầu quân và việc tổng động binh mà mãi đến cuối thế-kỷ thứ XVIII các nước Âu, Mỹ mới thi-hành thì tại nước Việt-nam ngay từ đầu thế-kỷ thứ XIII, Trần-Thủ-Độ đã đem ra áp-dụng.

Sử-gia Ngô Sĩ-Liên, tác giả cuốn Đại-Việt sử-ký, cho rằng sở dĩ vua nhà Trần còn sống đã nhường ngôi cho con và lên làm Thái thượng-hoàng thì không những tránh được sự tranh dành ngôi-báu mà còn xem-xét được mọi việc trong nước bằng các cuộc nhàn du. Vì thế võ công, văn trị đời ấy nhất thiết về phương diện gì cũng rực-rỡ. Chúng tôi cũng công-nhận thế và chúng tôi còn muốn thêm rằng: Vua, tôi nhà Trần đã hết sức tôn trọng tư-tưởng của nhân, nên gặp lúc nguy-biến mới hết lòng tin cậy vào nhau để đi đến cuộc thắng lợi hoàn-toàn. Ai đọc sử Việt-Nam mà chẳng cảm-động khi xem đến đoạn Trần Nhân-Tông hỏi ý-kiến các bộ lão nên « hòa » hay « chiến » lúc nhà vua đi ọc tin thoát Hoan sắp kéo đại đội binh mã sang xâm nước Nam. Và, vào lúc quốc dân ta còn tôn-trọng quân-quyền, nghĩa vua, tôi rất phân-biệt, mà Trần Thánh Tông (1258-67) lại cho phép các hoàng-thần vào ở trong nội điện cùng an một mâm, nằm một giường, hết sức thân-ái thì cũng là một việc hân-hữu lắm mới có thể có trong lịch-sử Á Đông. Chính Trần-Thủ-Độ là người đã treo cái gương giản-dị

ấy cho các vua, chúa? Nhưng, trước mắt hậu-thế, Trần-Thủ-Độ chỉ là một tên đại gian-hùng. Người ta đã kết án Trần-Thủ-Độ mà chẳng xét đến công việc Trần-Thủ-Độ làm. Cho nên, viết mấy giòng này mục đích duy-nhất của chúng tôi chỉ muốn mọi người sẽ công bình một chút khi định giá-trị của người xưa. Và, bằng-cứ vào chính-sự của Trần-Thủ-Độ chúng ta có thể nói rằng: ngay từ thế-kỷ thứ XIII, ông, cha chúng ta đã sống dưới quyền cai-trị của một vị thủ tướng giỏi. Vị đó đã hoàn-toàn cải cách lại nước ta từ võ công đến văn-trị khiến cho dân-tộc Việt-nam từ bước suy yếu ở cuối đời Lý đã trở thành mạnh-mẽ, luôn 2 lần toàn thắng quân Mông-cồ kiều-hung.

Cái dĩ-vãng ấy ngày nay tuy đã vùn-vụt qua rồi; nhưng, sức mạnh đánh dấu non sông linh-tú này bằng những giòng máu đỏ đầy vinh

學醫東亞

Muốn nghiên-cứu khoa thuốc á-đông, nên mua ngay:

Sách thuốc Việt-Nam.	3\$50
Tính các vị thuốc.	3 00
Khoa thuốc xử nóng.	2 00
Khoa chữa Phổi.	1 00
Khoa chữa mắt.	1 00
Khoa chữa trẻ con.	0 80
Ngoại khoa.	1 00
Sinh lý học.	1 00
cước quyền lớn 0\$6.0, nhỏ 0\$3.0.	

Hỏi: M. Nguyen-xuân-Dương
Lạc-long 22 Tientsin Hanoi.

Đón chào

Ài sửa lại quyển « Lục Vân-Tiên » của Nguyễn Đình-Chiến?

DƯƠNG QUANG-HÀM

HỒ BA BÈ

là một thắng-cảnh của đất nước. Muốn biết rõ

HỒ BA BÈ?

xin mời các bạn hãy thân du với tác-giả tập du-ký

HỒ BA BÈ

ghi chép rất rành-mạch, sửa lại rất kỹ-càng, in đẹp, giấy tốt, nhiều tranh-ảnh, bìa hai màu.

in tại nhà in Tri-Tân
giá 2\$00 một cuốn.

Có bán khắp xứ Đông-pháp và tại địa-chỉ tác-giả Nhat-Nhat am
TRINH-NHƯ-TÁU Tam-tá
phủ Thống-sứ Bắc-kỳ Hanoi.

đự diễn ra trên dải Bạch-đăng
giang vẫn còn mãi mãi. Bởi vậy,
chừng nào một người dân Việt-
nam còn ca-ngợi sự đắc-thắng lẫy-
lừng của Hưng-Đạo đại-vương
Trần Quốc-Tuấn thì chừng nấy
người ta vẫn còn phải tưởng nhớ
đến Trần-Thủ-Độ...

(Hết)

SÔNG-BẮNG

(Tài liệu để viết bài này đều sưu-
tầm trong những cuốn : Nam sử tập
biên, Khâm định việt sử thông giám
cương mục chính biên, Đại việt sử
ký toàn thư (bản kỷ), Histoire moder-
ne du pays d'Annam của Maybon, và
L'Annam d'autrefois của Pierre Pas-
quier).

(1) Lễ minh-thệ này khởi đầu từ
đời nhà Lý. Sách Đại Việt sử ký toàn
thư quyển 2 từ 15 chép : « Tháng 3
năm Thiên-thành thứ nhất (1028),
đời Lý Thái-Tông (1028-1054) ba
vương làm phẫn. Ngày hôm trước,
Lý Thái-Tông nằm mộng thấy một
vị thần tự xưng là thần núi Đồng-cổ
bảo nhà vua : « Vũ-đức vương, Đông-
chinh vương, Dực-thánh-vương làm
loạn, nhà vua nên mau mau cất quân
để đánh » Lý Thái Tông tỉnh dậy,
sai phòng bị nghiêm-ngặt, quả nhiên
hiệu nghiệm. Lập tức nhà vua sai
quan hữu-ti lập miếu ở bên hữu
thành Đại la sau chùa Thánh-thọ thờ
vị thần kể trên. Ngày 25, tháng ba,
năm ấy (1028), trong miếu đắp đàn,
đương cờ xi chỉnh đội ngũ, treo
gươm giáo Ở trước bài vị thần, các
quan đọc lời thề : « Làm con bất hiếu,
làm tôi bất trung, thần minh giết
đó ». Các quan từ cửa đông đi vào
qua bài-vị thần kể trên, uống máu
ăn thề. Mỗi năm lễ đó cử hành một
lần. Sau này vì tháng ba có quốc-
ky, (kỵ vua Lý Thái-Tổ (1010-1028)
nên hoãn đến tháng 4 tháng tư. Ai
trốn không đến thề đều phải phạt 50
trượng ».

Văn-đề cống người vàng...

(Tiếp theo trang 3)

tông tuy nhờ tài ngoại-giao của
ông Nguyễn Hãng mà ta tạm
thoát được cái « nợ Liễu Thăng »
trong một lúc, nhưng sau đó,
chắc rồi người Thanh lại vin lệ
cũ mà yêu sách như xưa. Chứng-
cớ : Đến đời Thanh Càn-long,
Phúc Khang-An hãy còn lên tiếng
đòi hỏi về việc cống ấy. May nhờ triều
Quang-trung (1788-1792) có binh
hùng tướng mạnh ở sau lưng, nên ta
lại một phen nữa, hoàn toàn thắng-
lợi về mặt trận ngoại giao ấy.
Thế mới biết, ở đời nào và nước
nào cũng vậy, có thực-lực sung-
túc rồi mới có thể nói chuyện
ngoại giao với nước ngoài được.

HẾT

HOA-BẮNG

1) Nhờ sức họ Trịnh, vua Lê đuổi
được nhà Mạc, lấy lại được Tả-gi-
long từ năm Quang hưng thứ mười
sáu (1593).

2) Tự Hảng-phu, hiệu Nghị-trai,
người làng Phụng xá, huyện Thạch-
thất, tỉnh Sơn-tây.

3) Trong sử sách chữ hán của ta
xưa vẫn quen gọi đời Lê phục-quốc
là Tiền Lê. (1428-1526), đời Lê Trung-
hưng là Hậu Lê (1533-1787).

4) Tre g lẹ cống, có món nước ở
giếng Cồ-loa để rửa hạt châu. (Chuyện
ông Nguyễn Hãng đi sứ (1718) này
cũng phải đem cống cả nước rửa hạt
châu ấy nhưng dọc đường, d nh đồ
mất cả, ông bèn múc nước giếng Ba-
sơn để đem đi. Khi người Thanh thử
dùng, thấy không nghiệm nữa, họ
có vận hỏi ông Ông trả lời : « Cái
khí đã dần dần ngày thì tắt dần đi »
Vì vậy, lệ cống « nước rửa châu » này
cũng nh ông mà được dừng.

Chưa thêm — Chữ « cống » ngày
xưa là tiếng tôn xưng. Chẳng hạn,
khi chép về Nguyễn Hãng, các vua
xưa thường viết là Nguyễn « cống
Hãng thì ừ như bây giờ viết là ông
Nguyễn Hãng. Vậy thời trước nhiều
chữ « cống » trong tên người xưa
phần đông không phải là chữ đệm.

MUỐN BIẾT :

TIÊU-SỬ CỦA DANH-NHÂN NAM-KỶ

Khoa Võ :

Đỗ thanh-Nhân, Châu văn-Tiếp, Võ-Tánh, Ng.-huỳnh Đức, Lê-v Duyệt.
Ng.-văn-Thành, Ng.-văn-Thoại, Trương tấn-Bửu, Dương-công-Trừng.

Khoa Văn :

Võ trường-Toản, Ngô-lũng-Châu, Ngô-nhân-Fịnh, Lê quang Định,
Trịnh-hoài-Đức, Phan-thanh-Giản, Thủ-khoa Nghĩa, Đỗ Chiêu,
Trương-vĩnh-Kỷ, Huỳnh-mẫn-Đại, Cử Tri, Tôn thọ-Tường, Học Lạc.

MUỐN BIẾT :

SỰ TÍCH MẠC-CƯU KHAI THÁC HÀ-TIÊN

Hãy đọc « Nam-kỷ danh-nhân »

Quyển sách này đã được Sở Tuyên-truyền công nhận là hữu ích về
phương-diện lịch-sử và kỹ nghệ khích.

Soạn-giả : ĐÀO-VĂN-HỘI

Tri-phủ Ser étaire du Province — à Soc Trang

Sách dày gần 300 trang bán 3\$00 (cước 0\$40).

Mua sỉ từ 10 quyển đến 20 quyển, huê-hồng 10%

trên 20 quyển, — 20%

Sách in có hạng, mua mau kéo hết

TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ

ĐÊM HỘI LONG TRÌ

Số 27

NGUYỄN HUY TƯỜNG

LÂN cho là đã nói được một câu ý-vị, phá lên cười, và nắm lấy Bùi-Đặng tát lấy tát để. Bùi-Đặng sung-sướng vừa van lạy, vừa cố gỡ ra. Khi được chủ buông, hẳn vào buồng lấy mũ hoa, bào đồ đai ngọc, hia da, cho Đặng-Lân, lại tỏ mày kẻ mới, phứt chốc Lân đã thành một vai tuồng nhăng-nhố.

Cờ rong, trống mở, đồ bát bửu dàn bày, đàn sáo nhã nhạc lầu lên. Bùi-Đặng và hơn năm mươi tên gia nhân bận võ-trang, đeo kiếm dài, rước Đặng-Lân lên mình con ngựa bạch, yếm vàng, bành gấm. Tàn lán, cờ quạt xúm xít che kín, trông sắc sỡ những màu đỏ, màu xanh, và long-lánh những mặt kính, những-hột vàng, những tua kim-tuyến. Sau Đặng-Lân lại có một toán năm mươi võ sĩ xếp hàng hai theo hộ vệ, và đi đoạn hậu là một bọn gia nhân mặc áo nẹp, khiêng một chiếc giường thất-bảo, màn bát tiên, ở trong người ta nhận thấy đôi gối thêu uyên ương, nệm gấm, chăn gấm-hương thơm bay ngào-ngạt. Khi thấy cửa phủ Đặng-Lân mở rộng, và cờ quạt ở trong rước ra, mấy người hàng phố kêu lên ba tiếng thất thanh :

— Cậu Trời đấy !

Tức-thì người ta chạy tán-loạn, nhất là những đàn bà con gái. Tiếng kêu trời, kêu đất, xen lẫn với tiếng đóng cửa ầm ầm.

Đặng-Lân lên ngựa truyền đồng-bac :

— Đi về phía chùa Trấn quốc.

Đám rước từ từ đi, và Đặng-Lân thênh-thang trên mình ngựa, a mắt điều hân nhìn ngang nhìn ngửa, thỉnh-thoảng lại nói chuyện với Bùi-Đặng.

Cô Hoàng-thị-Ngọc, đúng với tên cô, là một trang kiều-diễm, nổi tiếng không những ở kinh-thành, mà còn ở các tỉnh xa. Quan huyện Hoàng-công-Thành hiếm hoi chỉ sinh được một mình cô, nên ngài yêu-dấu và chiều chuộng rất đời. Vì phải bỏ vào trong Nam giúp Việc Quận-Công về việc từ hàn, nên quan đề phu nhân và con gái ở nhà, nhân thế đề hầu-hạ bà lão-mẫu bấy giờ đã ngoài tám mươi. Ba người đàn bà ở một ngôi nhà cổ ở Thụy-khê. Tuy là tiền-thư, nhưng cô Ngọc không quen thói xa-hoa, nằng vãn theo mẹ chẵn lăm ươn-lơ, thức khuya dậy sớm. Một người bạn quan huyện đã hỏi nàng cho con trai, một tay hay chữ có liếng ở Kinh-bắc. Hai nhà đã thuận, nhưng vì nhà trai có bụi, nên việc cưới vẫn còn hoãn.

Ba bà cháu, mẹ con ở đấy, sống một cuộc đời yên lặng. Một hôm, cậu Trời đi qua, cả làng khiếp sợ. Chinh cô Ngọc, hôm ấy đi lễ, bị Đặng-Lân bắt gặp, cũng may mà nàng nhanh chân trốn được. Mấy người đã bàn nhau sắp bỏ nhà đi nơi khác, thì được giấy của quan huyện nói sắp-sửa thăng chức và bỏ về làm việc ở một phủ gần kinh-thành. Vả, sau đấy, được tin cậu Trời đã lấy Quận-chúa, và ngót hai tháng, không thấy hân hoành hành đâu nữa, nên đều yên trí rằng tên vô-lại đã cải tâm cải tính. Vì thế gia-dình cô Ngọc lại ở lại Thụy-khê, không tính đến việc dọn đi nơi khác nữa...

Hôm ấy, cô Ngọc đang ngồi bên cạnh bà và mẹ, vừa quay tơ vừa nói chuyện, ai nấy mơ-màng đến quan huyện ở xa, một mình nơi

quần thú, và đều mong quan chồng trở về để gia-dình xum-hạp. Chợt một bà láng giềng hốt-hơ hốt-hải chạy qua nói :

— Bà lớn và cô có chạy đi không. Cậu Trời đến đấy. Tôi phải chạy về ngay bảo con em đi trốn.

Bà huyện nghe rụng rời, muốn hỏi nữa thì người kia đã chạy mất. Thấy con gái sợ và ngờ ngác bà Huyện nói :

Bà và mẹ thì không cần, còn con thì phải trốn đi mới được. Con theo mẹ ra sau vườn, mẹ con theo cánh đồng chạy lên Bưởi, rồi vào ăn-nấp ở đâu, chứ ở đây không được, nó đã biết con rồi !

Bà huyện vừa gọi người bỏ già ở nhà trông nom cụ cố và sắp đặt con gái chạy, thì đã thấy một lũ côn-đồ, kẻ gươm, người giáo, phất giậu đi vào. Bà huyện thất kinh, cô Ngọc rú tên một tiếng. Lũ côn-đồ đã tiến lên thềm. Nhà không có cửa thông ra sau, mà chúng thì đóng đặc phía ngoài. Biết là nguy tới nơi, bà huyện bảo con nấp vào xó cửa rồi chạy ra hỏi :

— Các bác hỏi gì, mà vào sừng sộ thế ? Đi ăn cướp à ?

Còn sừng-sộ bằng mười nữa. Đây là người nhà Quốc-cửa, bà định bướng, phải không ? Đây không đi cướp của, nhưng đi cướp người. Cô Ngọc có nhà không ? Cậu đang đợi bên bờ hồ Tây.

— Cháu nó đi vắng.

— Đi vắng à ? Đi vắng thì nọc xác mụ-ra.

Hồ trọng-Vũ nói xong, quay bảo lũ đi theo :

— Vào bắt cô Ngọc. Cậu đã cho người thám-thính, biết chắc là có ở đây.

Bà huyện rụt lên :

— Quả thực cháu không có nhà. Chúng tôi còn có mẹ già, sợ nhiều người vào kinh động cụ. Xin các ông xét cho.

Cả bọn cười, ồm lên, chế nhạo. Vũ phét :

— Vào tìm mau ! Chậm-trễ thì có đũa chết !

Chúng xông vào, chỉ nháy mắt đã bắt được cô Ngọc lôi ra. Bà huyện chạy lại, thấy con khóc - lóc, cũng òa lên khóc. Bà xụp xuống lạy Hồ trọng-Vũ :

— Xin ông tha cho cháu. Tôi chỉ có một mình nó.

Cô Ngọc cũng kêu :

— Lạy ông, ông tha tôi, đừng bắt tôi. Thà giết tôi còn hơn.

Trọng-Vũ nói :

— Chỉ có một lúc thôi, xong cậu lại cho về. Rồi hẳn truyền :

— Điệu ra mau.

Bà huyện chạy lại giữ con, thì bị một chiếc tay thước đánh vào giữa lưng, bà ngã lấm rã, đau quá không kêu được nữa.

Cô Ngọc thương mẹ, cố hết sức chống-cự để thoát ra, nhưng sức đào tẩu liễu yếu, nàng bị chúng kéo đi, xa xa còn văng vẳng tiếng khóc nghẹn rất nức ruột.

Đặng Lân đợi cô Ngọc ở bờ hồ Tây. Giường đã kê, màn, chăn, nệm, gối tinh tươm. Cạnh đấy lại có một chiếc bàn, bày cỗ sang-trọng cỡ quạt cắm la liệt, và những đường lối thông vào khu Lân đóng đều có dựng biển cấm người ngoài đi lại.

Lân đã bỏ mũ hoa, áo bào tía, chỉ mặc chiếc áo xanh hoa, đỏ, và quần nhiều đừa, lưng thắt đai đi đi lại lại, ra ý đợi-chờ. Tuy đã sang đông nhưng trời còn mát. Hẳn tưởng-tượng đến cái lạc thú dẽ mê : chung chăn gối với gia-nhân bên sông hồ xanh biếc, giữa một buổi trời đông tươi đẹp.

Mắt hẳn bỗng sáng lên vì vui mừng. Xa xa thấy bọn già - nhân xúm xít, khiêng một chiếc cang đi về. Có tiếng khóc tí tì, rõ ra tiếng con gái, Lân nháy nhót sung-sướng :

— Đích rồi ! Chúng nó bắt được con Ngọc rồi ! Phen này thì mày trốn lên mây.

Tuy còn cách xa, Lân đã hỏi Hồ trọng-Vũ :

— Ngọc, phải không, nói mau cho cậu mừng.

Hồ trọng-Vũ thưa :

Con đã cam đoan với cậu, nếu không được, xin nộp đầu kia mà.

Bọn gia nhân đã đặt cang xuống, họ lôi cô Ngọc ra, lưng lưng trong một cái túi gấm thắt đầu. Nàng vùng đứng dậy, tóc mây xòa trên vai, má đỏ ửng, mắt long lanh, cái vẻ mọc-mạc và hơi sốc-sếch của nàng càng tăng phần kiều-diễm. Nàng định tìm đường trốn, nhưng chung quanh gia-nhân cậu Trời dưng đông, không có lối thoát thân. Nàng tức-giận quát :

— Thế là nghĩa-lý gì ?

Cậu trời đã sẵn đèn. Hẳn toe-toét nói :

— Mày nhán lại đây cùng ta uống rượu.

Hắn giữ chặt hai tay cô Ngọc, và say sưa hết nhìn vòng ngọc bích đeo bên tay trái, làm bật nổi nước da ông nuốt uư tơ, lại ngấm đôi mắt đẹp tuyệt trần, đen lanh lảnh và hai má không giời phần mà trắng như bông. Tuy mím lại vì giận-dữ, đôi môi vẫn không giấu nổi vẻ thắm tươi. Cô Ngọc rút tay không được. Nàng nói :

— Em xin cậu, cậu tha cho em.

— Tha là thế nào ? Mình hãy vào cùng ta uống chén rượu « hợp-phận » ! Cậu đừng nói thế, không ai nghe được. Bỏ lối ra, không có thì chẳng ra gì.

— Ủa ? Chẳng ra gì ? Mình hãy lại đây uống rượu rồi sẽ hay.

(Còn nữa)

NGUYỄN-HUY-TUÔNG

Giá báo

Mỗi số	0\$ 80
1 năm	12 00
6 tháng	6 50
3 tháng	3 50

Công số giá gấp đôi
Mua báo xin giả liền trước

Là người Việt-Nam ai cũng nên dùng :

Dầu hỏa Việt Nam hiệu Thiên Thân

do cha Chúc chánh xư Tự-Liệt Văn-diễn (Hà-đông) sáng chế.

Thắp rất sáng, không khói, không nhờn, không hao, bắc không rần lại, ngọn đèn không lút đi

Dùng vào đèn dầu tây cũ. — Giá rất hạ.

Mua duôn, mua lẻ, xin hỏi Agence Générale pour l'Indochine
là Tổng-Phát-Hành ở số nhà 58bis, phố Huế — Hanoi giấy nói số 494



NHỮNG SÁCH CỦA THU-XÃ ALEXANDRE DE RHODES

ĐÃ XUẤT BẢN

1. — KIM-VÂN-KIỀU, tome I (hết)
2. — THƠ NGŨ-NGÔN LA FONTAINE (hết)
3. — LƯỢC-KHAO VIỆT-NGŨ

của Lê-văn-Như Giá 0\$50

4. — LE PAYSAN TONKINOIS
à travers le parler populaire
của PHẠM-QUỲNH

30 trang khổ 17×23 có nhiều tranh ảnh
của MẠNH-QUỲNH — Bìa 2 màu.

Bản thường 0\$80 — Bản giấy Đại La 5\$00

5. — TRẺ CON HÁT, TRẺ CON CHƠI

của NGUYỄN-VĂN-VĨNH, sưu tập
khổ lớn 22×32, toàn tranh ảnh và bìa 2 màu.

Bản thường 0\$50 — Bản giấy Đại La 5\$00

SẴN XUẤT BẢN

6. — Kim Vân Kiều tome II (trọn bộ)
bản dịch Pháp-văn của NGUYỄN-VĂN-VĨNH
460 trang khổ 17×23

có nhiều tranh ảnh của MẠNH QUỲNH

Bản thường 3\$00 — Bản giấy Verre bouffant 8\$50

Tổng phát-bành : Mai-Linh

21 Rue des Pipes — Hanoi.

ĐÃ CÓ BÁN :

KHẢO LUÂN VỀ KIM VÂN KIỀU

ĐÀO-DUY-ANH

*

Quyển sách đầu tiên nghiên cứu và bình
luận tổng quát về Nguyễn-Du và tác phẩm,
có phụ cả Thanh-hiến thi tập và Bắc-hành
tập-lục.

Giá 2\$40

VĂN HÒA

29, Maréchal Pétain — Huế

Quyển Từ-diễn chuyên môn đầu tiên
trong kho sách quốc-văn.

VĂN-LIỆU TỪ ĐIỂN

của Long-Điền NGUYỄN VĂN MINH

Tựa của Cụ Đốc Ôn-Như NGUYỄN VĂN NGỌC

« Đọc quốc-văn mà có hiểu những tiếng có điển
tích thì mới cảm thấy cái hay của quốc-văn.
Có cảm thấy cái hay ấy thì mới đề ý đến quốc-
văn và ưa chuộng quốc-văn. Nay tiên-sinh cho
xuất bản tập « Văn liệu Từ-diễn » giảng rõ
những tiếng dùng trong quốc-văn mà có điển
cổ, thật là một cái công to với quốc-văn vì tập
sách ấy sẽ giúp ích cho người học quốc-văn
một phần lớn ».

Trích thư của

Đốc học Nguyễn Quang Oánh

Sách dày ngót 400 trang khổ rộng 16 × 25

Giá bán lẻ có 5\$00

Mua một quyển, xin gửi tiền trước thêm
0\$70 cước phí đảm bảo, về :

Ô. Quảng-vạn-Thành

16, Phố Lê Lợi — HANOI

51, Doumer HAIPHONG



TỦ SÁCH TÂN VĂN HÓA

do nhà

HÀN-THUYỀN

71, Tiên-Tsin — HANOI

MỚI CÓ BÁN

2\$20

NGUỒN GỐC VĂN MINH

Trong bộ « NHÂN LOẠI TIẾN HÓA SỬ »

của NGUYỄN BÁCH KHOA

ĐÃ XUẤT BẢN

— NHÂN LOẠI TIẾN HÓA SỬ (1\$80)

của NGUYỄN BÁCH KHOA

— ỨC KHOA HỌC (2\$20)

của P. N. KHUÊ

— GỐC TÍCH LOẠI NGƯỜI (1\$80)

— ĐỜI SỐNG THÁI CỒ (2\$20)

của NGUYỄN ĐỨC QUỲNH

*

Ở xa mua 1 cuốn xin trả tiền trước thêm
0\$40 cước. Không lệ bán lẻ hóa giao ngân